

SÂM TRUYỀN CŨ

ĐẶC BIỆT BẰNG TRANH



Chạy lời giới-thiệu

Từ muôn đời THÁNH-KINH vẫn và sẽ mãi mãi được coi như một tác phẩm vô tiền khoáng hậu có một nội-dung phong-phú và kỳ-diệu vô song.

Khởi hành từ thuở Khai-Thiên Lập-Địa: Thiên-Chúa tác-tạo vũ-trụ trong 6 ngày, nguyên-tổ A-Dong E-Và phân-bội rồi bị dọa-đày, THÁNH-KINH đã lần lượt mô-tả cuộc đời của các Tò-Phụ, chương-trình tuyển chọn và huấn-luyện Dân riêng Chúa, hoạt-động của các Tiên-Tri cùng bao thăng-trầm biến đổi trong lịch-sử v. v... như việc thành Babylone bị thất-thủ, ngày hồi cố-hương của một thiếu-số dân Do-Thái sau 70 năm bị lưu-đài.

Vừa khi công-cuộc chuẩn-bị hoàn tất, Thiên-Chúa liền ủy-thác Đức Ki-Tô, Con Một Người xuống thế-gian để cụ-thể-hóa chương-trình cứu chuộc nhân-loại.

Tất cả đã mặc-nhiên nói lên sự quan-phòng huyền-nhiệm của Thiên-Chúa cùng lòng lân-tuất của Người đối với đoàn Dân ưu-tuyền, bất kể sự phân-bội của cha ông họ và con cháu ngàn đời.

Phong-phú không chỉ về nội-dung mà cả về hình-thức: bằng chứng là theo một Thống-kê mới nhất, THÁNH-KINH — Tân-Uớc lẫn Cựu-Uớc — đã được phiên-dịch ra 1.232 thứ tiếng kể cả sinh-ngữ và ngữ, trong số có 235 thứ tiếng dành cho toàn bộ THÁNH-KINH, 290 cho Tân-Uớc và 707 cho bốn tác-giả của bốn Phúc-Âm và Hợp-tuyền. Ngoài ra, riêng trong năm 1964, tổng số THÁNH-KINH được phát hành đã lên tới 70 triệu cuốn gồm 4 triệu cuốn Cựu-Uớc, 4 triệu cuốn Tân-Uớc, 30 triệu cuốn Phúc-Âm của 4 tác-giả và 32 triệu cuốn Hợp-tuyền.

Lần đầu tiên tại Việt-Nam, nhà xuất-bản THẮNG-TIẾN ấn-hành cuốn THÁNH-KINH bằng hình ảnh không ngoài mục-dịch củng-hiến các nhà giáo-dục và phụ-huynh có thêm phương-tiện tra-vấn đạo-đức căn bản cho học-sinh và con em.

Thiên nghĩ, khi trao vào tay học-sinh và con em cuốn THÁNH-KINH bằng hình ảnh, Quý Vị đã phần nào chu-toàn được nhiệm-vụ giáo-huấn mà chính Quý Vị là những người trực-tiếp lãnh-đạo.

Đó cũng là ước-nguyện của chúng tôi trong niềm hân-hoan chờ đón sự cộng-tác của Quý Vị.

Linh-Mục Chủ-Nhiệm tuần-báo

THẮNG-TIẾN

MỤC LỤC

- A-DONG E-VÀ
- CAIN GIẾT ABÊLÊ
- LỤT ĐẠI HỒNG THỦY
- THÁP BABÊLÊ
- ÔNG ABRAHAM THEO TIẾNG GỌI
- ÔNG ABRAHAM THẮNG TRẬN
- HỎA THIÊU THÀNH SODÔMA
- ÔNG ABRAHAM ĐEM CON TẾ LỄ
- ÔNG ÊGIÁC VÀ HAI ĐỨA CON SANH ĐÔI
- ÔNG GIACÓP LẬP NGHIỆP



1) Từ thuở chưa có trời đất, Đức Chúa Trời, Đấng tự hứa hằng có, chính người đã dựng nên vũ trụ và mọi sự vật như ta thấy ngày nay. Tất cả công việc to tát đó Đức Chúa Trời chỉ phán một lời liền có mọi sự công việc tạo thành trong 6 khoản thời gian tức là 6 ngày. 



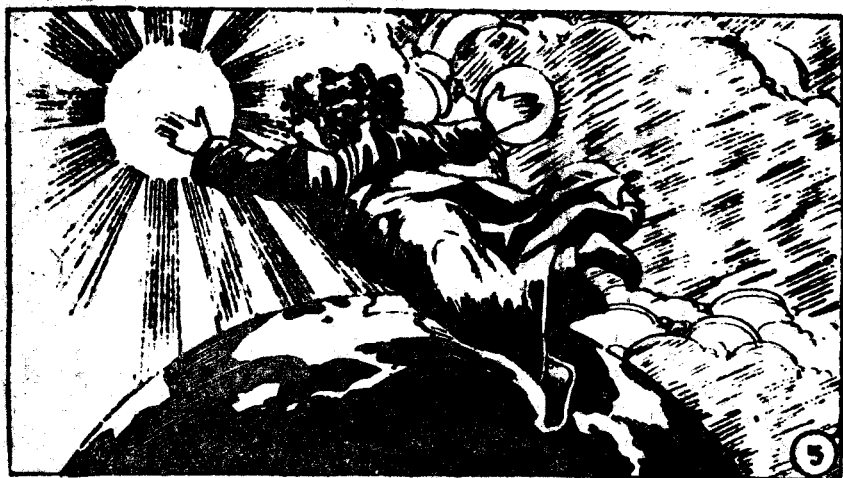
2) Ngày thứ nhất, từ cõi u minh không phân biệt đất trời cả không gian vũ trụ còn ở trong một trạng thái vô hình, vô vật, Đức Chúa Trời dùng quyền phép vô cùng của người đã tạo nên một khối giữa không gian.



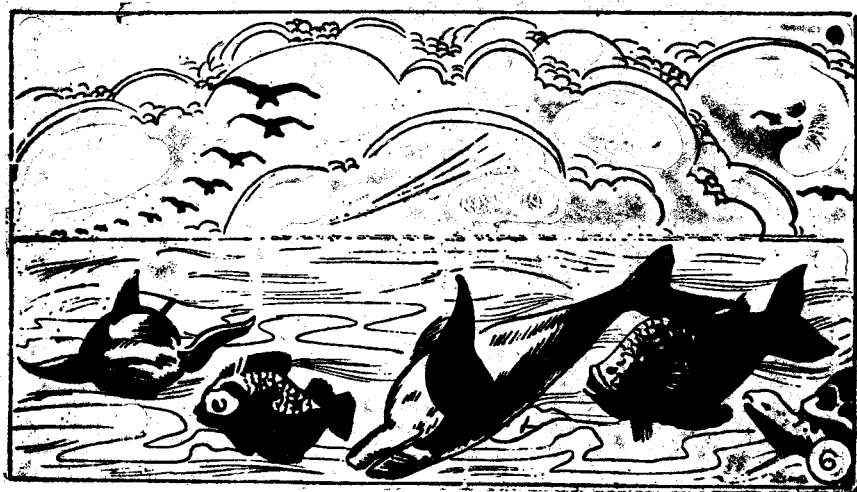
3) Tuy nhiên lúc bấy giờ sự tối và sự sáng vẫn chưa có phân biệt, vũ trụ vẫn còn mờ mịt! Khi có bầu trời và trái đất, Đức Chúa Trời mới dựng nên sự sáng và sự tối. Đến ngày thứ hai, Chúa dựng nên các tầng trời bền chắc vững vàng mà dưới mắt của chúng ta không thể phân biệt được.



4) Ngày thứ ba, đất cùng nước còn lộn lạo Chúa phán cho rẽ ra làm hai: nước ở một nơi gọi rằng biển. Riêng về đất đai được sinh sản các giống thảo mộc. Cây nào theo giống nấy và trở sinh ra hoa quả. Các loại hoa quả này một phần lớn trở nên thức ăn cho nhân loại sau này.



5) Ngày thứ bốn, Chúa dựng nên hai vùng lớn ở trên cao để soi khắp mọi nơi dưới thế, gọi là hai vùng nhật nguyệt: mặt nhật thì soi ban ngày, mặt nguyệt thì soi ban đêm. Hai vùng này xoay vần, can truyền luân chuyển để ta có thể tính được ngày tháng và phân ra được giờ khắc. Kể đó các vị tinh tú cũng được dựng nên.



6) Ngày thứ năm, Chúa dựng nên các loại có giác hồn hay sống. Người dùng biển mà sanh ra mọi giống cá lớn nhỏ và cho chúng sanh sản ra nhiều. Các giống chim chóc có lông có cánh bay trên không trung cũng được dựng nên trong hôm nay.



7) Ngày thứ sáu, Chúa dạy đất sinh ra các giống lục súc côn trùng. Cùng trong ngày, Chúa dựng nên người ta là giống cao trọng tốt lành hơn mọi loài vật khác ở trên mặt đất, và loài người đặt biệt là có trí khôn biết suy, biết xét, biết thờ phượng Đấng Tạo hóa. Người đầu tiên được dựng nên là ông A-dong.



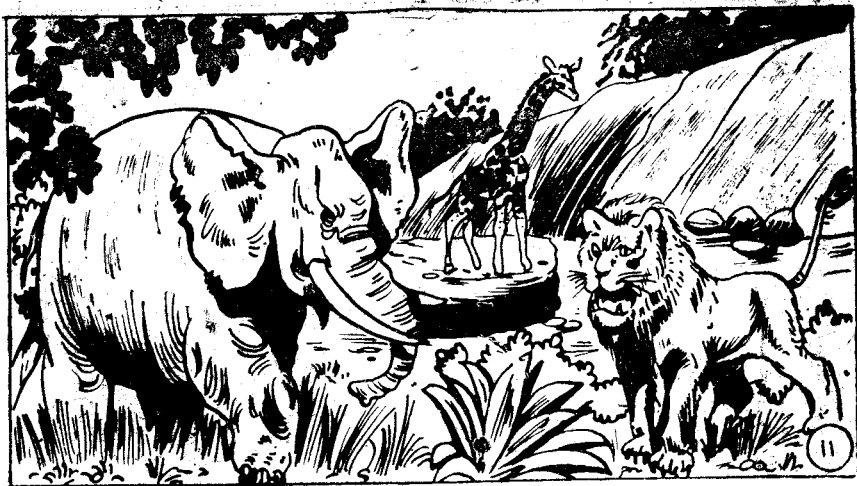
8) Ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời hoàn tất công việc, Người dạy lấy ngày này làm ngày Lễ Lạ cấm làm việc xá: để tạ ơn Chúa. Riêng về việc dựng nên các Thiên Thần, không rõ Chúa đã dựng nên vào lúc nào, nhưng theo thánh Augutinô thì: «Khi Chúa phán dạy sự sáng rờ ra khỏi sự tối đó là Chúa tạo dựng Thiên Thần...»



9) «... Trong chín phẩm Thiên Thần, có Luxiphe đầu mục đạo linh thiên phân thấy mình sáng láng tốt lành và cũng có quyền phép thì tưởng rằng mình cao sang nhất nên đã nổi ngụy xúi giục các Thiên Thần khác : «Chúng ta đừng phục Chúa nữa !» Khi vị Thiên Thần Luxiphe cầm đầu trở lòng cùng Chúa tức khắc bị Chúa trừng trị cùng với đồng bọn.



10) «Luxiphe và các đồng lõa đều biến ra đen đúa xấu xa, rơi từ chín tầng trời xuống hỏa ngục chịu cực hình hỏa thiêu». Đó là Chúa phân ra sự sáng và sự tối. Thiên Thần lành xem như sự sáng đang ở châu chực, phụng sự Thiên Chúa, còn Thần dữ gọi là sự tối thì phải phạt đời đời.



11) Theo Thánh kinh (diễn tả một cách bình dân và thông thường) Chúa đã dùng đất sét nắn nên hình ông A-dong. Rồi truyền sự sống khiến cho từ một tượng đất A-dong trở thành con người có trí khôn, có linh hồn. Vì muốn đặt loài người chỉ huy mọi loài khác. Chúa đem ông A-dong vào vườn địa đàng.



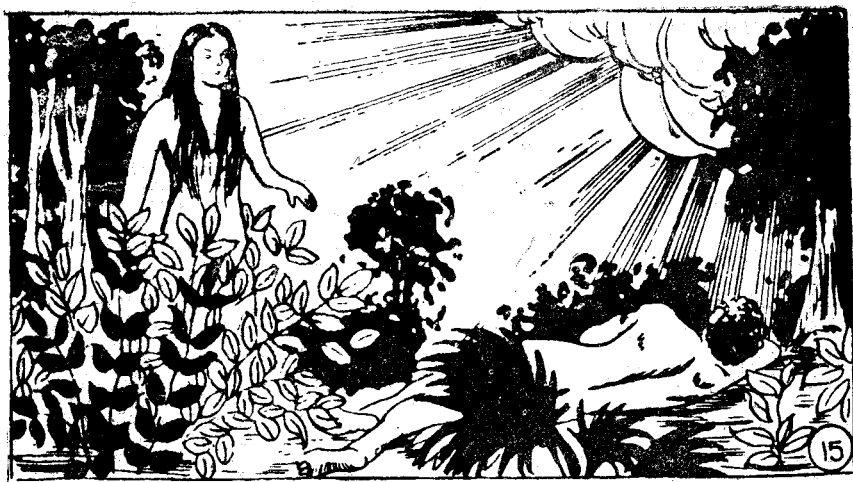
12) Nơi Chúa đã sắm sửa mọi giống cây cối tốt tươi cùng mọi thứ trái ngon ngọt. Trong vườn địa đàng có hai cây mẫu nhiệm : một cây «Hằng Sống» và một cây gọi là cây «Tường Tri Thiện Ác» nghĩa là biết lành biết dữ.



13) Chúa muốn thử lòng ông A-dong có biết phục tùng vâng lời và thờ phượng Đấng đã sanh ra mình hay chăng ? Người đã phán dạy :
 « Các giống trái cây trong vườn này người muốn ăn trái nào mặc ý :
 nhưng ta cấm nhắc một điều...



14) « ... Là không được ăn trái cây « Biết Lành Biết Dữ »: Ngày nào người phạm lệnh ấy thì chết chẳng sai ! Kể đó Chúa dạy các thú vật đến trước mặt ông A-dong để cho ông đặt tên. Các tên của A-dong đặt cho thú vật đều rất hợp với hình dáng của chúng...



15) Sau đó, Đức Chúa Trời thấy ông A-dong ở một mình cô độc, Người cho ông ấy ngủ say rồi lấy xương sườn ông dựng nên một người nữ và đặt tên là Ê-và. Khi ông A-dong thức dậy, Đức Chúa Trời giới thiệu bà Ê-và. Ông A-dong biết người nữ này bởi xương thịt ông mà sinh ra nên từ đó hai ông bà không rời nhau.



16) Ông A-dong và bà Ê-và được hưởng phước thanh nhàn trong vườn Địa Đàng và hết lòng thờ phượng Đức Chúa Trời. Lúc đó ma quỷ « các Thiên Thần kiêu căng bị Chúa phạt xuống hỏa ngục », thấy hai Ông Bà được Chúa thương yêu nên đem lòng ganh ghét. Nó tìm cách hại hai Ông Bà và luôn cả dòng giống cho phải khổ nạn như nó.



17) Một hôm nó lập mưu, lấy hình một con rắn là giống sâu độc hơn các giống vật khác để cám dỗ Bà Ê-và. Từ trên cây «Biết Lành Biết Dữ», nó gọi bà Ê-và mà hỏi: «Tại sao Đức Chúa Trời cho hai Ông Bà ăn mọi giống trái trong vườn mà chỉ trừ có trái cây này?» Bà Ê-và không biết được tâm địa xấu xa của quỷ dữ nên thật thà trả lời:



18) «Đức Chúa Trời dặn chẳng nên ăn trái cây này, nếu ngày nào chúng tôi phạm lệnh thì sẽ phải chết». Quỷ dữ đáp rằng: «Có chi mà sợ! Hai Ông Bà chẳng chết đâu, Đức Chúa Trời cấm dùng trái cây này là sợ hai Ông Bà được sáng láng như Người, vì ngày nào hai ông bà ăn trái cây này, thì trí khôn được thông suốt như người vậy».



19) Bà Ê-và nghe những lời phỉnh gạt của ma quỷ, * trong lòng đã xiêu hết phân nửa. Bà đến gần cội cây cấm mà xem cho tường tận. Bà thấy trái cấm tốt lành thơm tho thì thầm nhủ: « Quả là trái quý phi thường, lời con rắn nói chắc không sai ». Vừa nói bà vừa hái trái cấm mà ăn chẳng chút ngần ngại, ăn rồi bà lại đem cho ông A-dong ăn nữa.



20) Ông A-dong thấy vợ ăn trái cấm và bảo mình cũng ăn thì vô cùng kinh hãi, nhưng bà Ê-và nói lại lời của con rắn đã mách với bà và khuyên chồng ăn cùng, vì nếu được sáng láng như Đức Chúa Trời thì cả hai cùng hưởng ngược lại nếu bị phạt thì cả hai cũng đều bị, lẽ nào ông lại đành lòng để cho bà bị riêng chịu phạt hay sao? *



21) Ông A-dong nghe bà Ê-và lý luận thì xiêu lòng và cùng ăn chung với vợ. Sau khi vợ chồng đã cả lòng trái lệnh Đức Chúa Trời ăn trái cấm thì cảm thấy xấu hổ vô cùng vì cả hai đều thấy mình trần truồng. Trước kia khi chưa phạm tội thì hai người chẳng hề ngại về việc loả thân vì tâm hồn hai người rất là tinh sạch.



22) Khi hai Ông Bà đã phạm tội rồi thì đâm ra mắc cỡ với nhau nên phải chạy vào trong bụi cây kiếm lá mà che thân. Lúc đó, Đức Chúa Trời hiện ra và kêu: «A-dong ngươi ở đâu?» Hai ông bà nghe tiếng Đức Chúa Trời gọi thì kinh hoàng khiếp vía toan không muốn ra mặt, nhưng tiếng uy nghi của Chúa làm hai người cả sợ phải thưa rằng:



23) ... Tôi sợ ra trước mặt Chúa, vì tôi quá xấu hổ » Đức Chúa Trời liền quả: « Bởi bây phạm lệnh Ta nên bây phải xấu hổ, ai bảo bây ăn trái ta cấm? » Ông A-dong nghĩ đến sự dụ dỗ của bà Ê-và liền đổ tội rằng: « Đàn bà kia, Chúa cho làm bạn cùng tôi nó đã dỗ [dành tôi ăn trái ấy] ».



24) Đức Chúa Trời liền quả bà Ê-và thì bà cũng chữa mình rằng: « Bởi con rắn đã phỉnh tôi nên tôi mới ăn trái ấy ». Nghe hai người đổ lỗi như vậy, Đức Chúa Trời tuyên án phạt con rắn « Giữa dòng dòi mầy và người nữ sẽ có một mối thù và người nữ ấy sẽ dầy đạp đầu mầy ».



25) Kể đó Đức Chúa Trời mới lên án phạt hai ông bà: «Người nữ sẽ phải chịu đau khổ lúc sinh con và trọn đời phải tùng phục người nam; còn A-dam: bởi mày nghe lời đàn bà hơn là Ta thì đất này, sẽ sinh ra gai gổc cùng cỏ hoang, mày phải đổ mồ hôi, xát con mắt làm lụng mới có mà ăn...



26) ... Đến khi chết xác mày lại trở nên đất. «Sau khi lên án phạt Đức Chúa Trời cho hai ông bà mặc áo da thú vật và nói lầy rằng: «Bây giờ, bây đã nên giống ta chưa?» Hai ông bà xấu hổ quá liền cúi gằm mặt xuống đất, Đức Chúa Trời sai Thiên Thần đuổi hai ông bà ra khỏi vườn Địa Đàng.



27 Từ đó, cửa Thiên Đàng khép lại, hai ông bà không đến gần được nữa vì Chúa đã đặt một vì Thiên Thần cầm gươm lửa mà giữ cửa vườn. Hai ông bà đi ra khỏi vườn Địa Đàng thì bơ vơ chẳng khác nào kẻ lưu đày, nên khóc lóc trách tội mình đã phạm.



28) Nhất là khi thấy trên mặt đất đã sinh đầy dẫy các gai gốc rậm rạp, bụi bờ hiểm hóc như lời Chúa đã phán, chẳng khác nào những dấu tích tội lỗi của mình đã phạm làm hai ông bà đau đớn hơn nữa. Hình ảnh vui vẻ trong vườn Địa Đàng và cảnh tượng sầu thảm hiện nay mỗi ngày giết lán tâm tư của hai người.



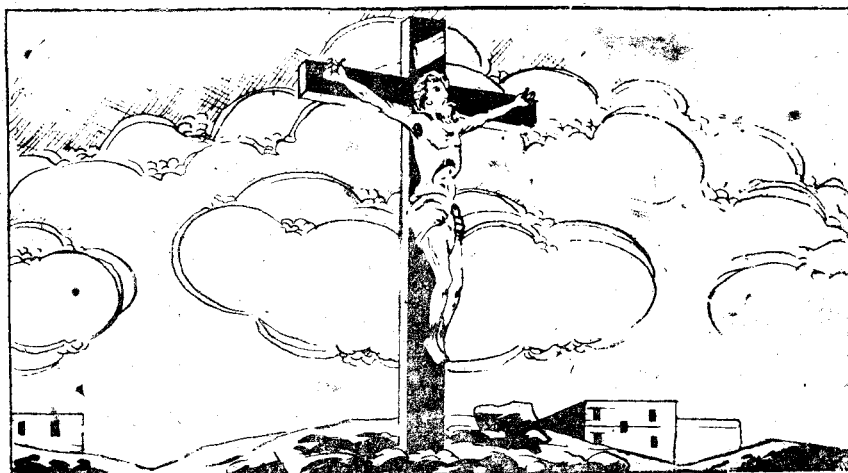
29) Lương tâm càng dày dò hai người hơn nữa, khi nghĩ đến vì tội của mình đã trở lòng làm ngụy Đức Chúa Trời mà từ rày con cháu mình sẽ bị ảnh hưởng phải sống nơi khách đày khổ không được hưởng phúc thanh nhàn trong vườn Địa Đàng. Luôn luôn hai ông bà dấm ngực mà than khóc: «Tại tội tôi, tại tội tôi mà con cháu tôi phải khổ!»



30) Mà thật vậy, tội ông A-dong phạm là tội rất nặng vì ông có trí khôn sáng láng phi thường, biết rõ phạm lệnh [Chúa là phải chết. Dầu vậy, ông cũng cả lòng ăn trái cấm thì ông và con cháu phải gánh chịu mọi cực hình trừng phạt. Do đó con người lúc tượng thai trong lòng mẹ đã mất nghĩa cùng Chúa rồi và trở nên "tội tá ma" qui.



31) Loài người tất cả tưởng đã phải khốn đời đời và không bao giờ nhìn thấy được mặt Đức Chúa Trời. Sự trừng phạt này không phải quá nặng nề vì theo lẽ thường: cây nào sinh trái nấy. Loài tội lỗi, con cháu ông A-dong sáu này đều phải bị mắc tội tởm tợng và phải chịu khốn nạn đời đời...



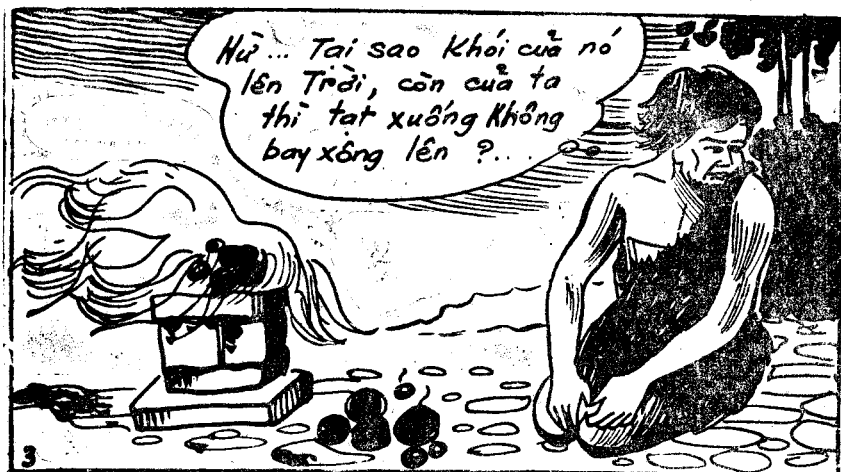
32) Nhưng trước cảnh than khóc ăn năn tội của hai ông bà, Đức Chúa Trời rủ lòng thương, nên Người đã hứa cho Ngõi Hai xuống thế chuộc tội. Tình yêu của Thiên Chúa đối với loài người thật là bao la! Người đã cho Con một xuống thế cứu muôn dân thoát khỏi tội tởm tợng, qua lời tiên phán. «Ngày sau sẽ có người Nữ dầy đập đầu rắn quí».



1) A-dong và E-và bị đuổi ra khỏi vườn diêu quang mang theo cả một nhân loại không lý tưởng, mất định hướng. Họ phải xa lìa mặt Chúa, lòng họ cảm thấy chua xót. Nọc độc tội TÔ hoành hành, khiến con người sanh ra tối tăm, lòng hướng về tội ác. Hai ông bà sanh hai thằng con, thằng Anh lại giết thằng Em. Lịch sử nhân loại đã bắt đầu và bắt đầu bằng máu.



2) Thánh Kinh kể lại: Abêlê là đứa con ngoan, sống gần cha mẹ, làm nghề nuôi súc vật. Nhờ ơn Chúa, trâu bò sanh sản một ngày một thêm đông, chiên dê trù càng ngày càng phát đạt. Lòng biết ơn với Đấng tạo thành, khiến ông chất đá thành bàn thờ và lựa con chiên béo tốt giết để tế lễ tạ ơn Chúa.



3) Anh của Abêlê là Cain làm nghề nông phu, trồng trọt. Tánh tình hung bạo, sâu hiểm, ích kỷ, khiến cha mẹ là A-dong, E-và hằng la rầy răn-bảo, nhưng tánh nào vẫn tặc ấy. Đến lúc đền tạ Thiên Chúa đã cho mùa màng sung mãn, Cain tỏ ta hờ hững, hay lựa một thứ trái cây tạm vừa đủ.



4) Nếu sự vâng lời tốt hơn của lễ thì đây ở tấm lòng là điềm chính để Chúa nhận lời, vì thế của lễ của Abêlê được Chúa chấp nhận với những lời hứa hẹn may mắn, còn của lễ Cain phải bị Chúa từ rẫy một cách phụ phàng.



5) Vốn bản tính hung hăng sâu hiểm lại bị Đức Chúa Trời phạt, Cain vô cùng tức giận. Lễ ra, phải tự nhận và thú lỗi để xin Chúa tha cho, nhưng nọc độc của tội Tổ hoành hành, lòng thú không còn dễ dàng từng phục lý trí nữa...



6) ... Ông cảm thấy Thiên Chúa chiều chuộng yêu mến Abelê hơn, còn mình như bị bỏ rơi. Bao nhiêu sự tức tối ghen ghét như đồ dồn về Abelê. Ông ta dần dần bỏ ra đi. Một ý nghĩ đen tối xuất hiện. Cho em là một thằng ủy mị hèn hạ chịu lụy quá đời.



7) Mọi hoạt động của Cain vì đó mà ngưng trệ không phát đạt, nó thường tỏ ra buồn bực cáu kỉnh, luôn tìm cách ám hại Abelê để thỏa lòng ghen tức. Abelê biết tánh tình của anh mình có ý xấu nên thường nhẫn nhục hết lòng và luôn tỏ ra chịu đựng Cain.



8) Nhưng sự nhẫn nhục và chịu đựng của Abelê chẳng những không làm vừa lòng Cain mà còn làm cho anh ta chán ghét thêm. Một hôm Đức Chúa Trời thấy Cain càng lúc càng đi sâu vào tội lỗi thì thương và muốn cứu anh ta thoát khỏi những tư tưởng hắc ám.



9) Đức Chúa Trời hiện ra và hỏi Cain rằng : «Tại sao mày lại tỏ ra buồn bức và phàn nàn làm vậy?» Trong lúc Cain lúng túng không biết trả lời làm sao thì Đức Chúa Trời lại nói tiếp : «Ví bằng mày làm sự lành thì mày sẽ được phước, mà nếu mày có lòng độc ác làm sự tội lỗi...



10) «... thì tội mày sẽ hại mày mà chớ! Mày chớ ghen ghét sự lành kẻ khác làm chi!» Nghe Đức Chúa Trời phán như vậy Cain cúi gằm mặt xuống tỏ ra xấu hổ. Tưởng những lời Chúa phán đã được ăn sâu vào tim óc của Cain làm cho nó tỉnh cơn ghen tức.



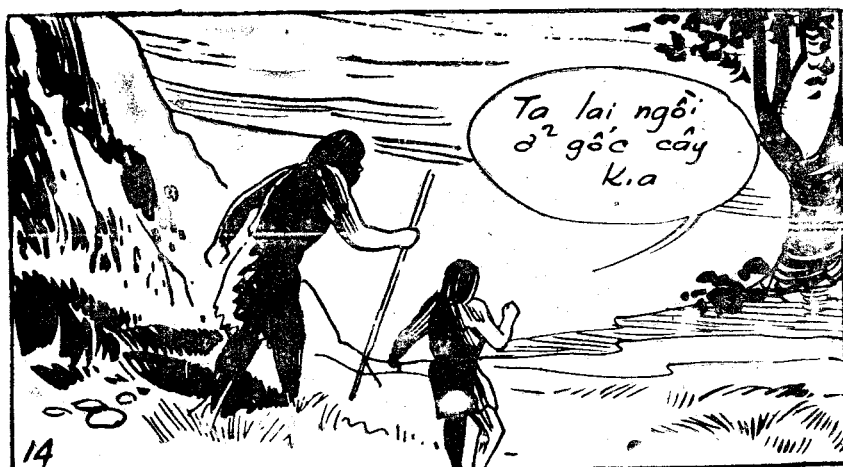
11) ... Nhưng không ngờ lòng ganh ghét của Cain đã quá nặng đi đến chỗ thù hiềm. Abelê nên nó không thể bỏ qua cho được. Nó thầm nghĩ một mưu kế để sát hại Abelê: «Đề ta hạ sát nó, xem nó còn được Chúa yêu dấu nữa hay chăng?»



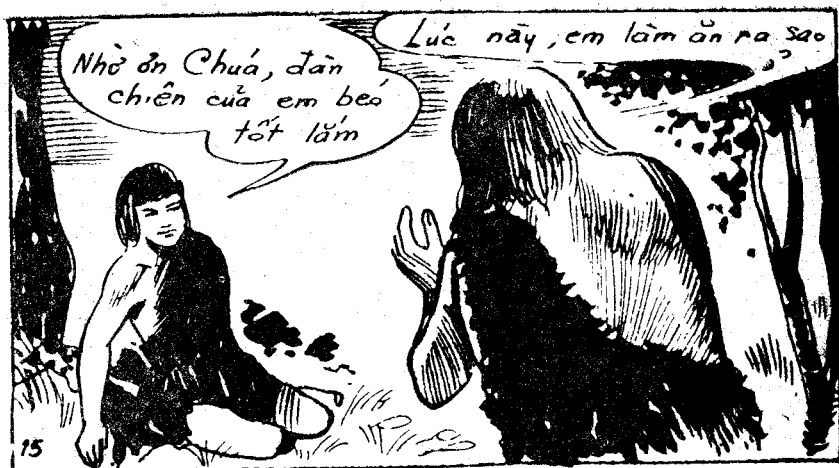
12) Đến một ngày nọ, chuyện sẽ đến phải đến, Cain không nén nổi cơn giận dữ được nữa. Nó thưa lúc ông bà A-dong không để ý, bèn rủ Abelê ra đồng vắng: «Này Abelê! Hai anh em mình ra ngoài vườn nói chuyện chơi». Abelê thấy anh tỏ ra thân thiện không như lúc trước...



13) ... đã ra vẻ không tra gì đến chàng thì trong bụng rất mừng rỡ và ưng thuận ngay: «Ồ! đi thì đi!» Cain thấy em đồng ý liền cặp tay chàng dẫn ra đồng, trong bụng đã sắp sẵn một kế hoạch ghê gớm.



14) Hai anh em dẫn nhau ra cánh đồng vắng vẻ cách xa nhà ông bà A-dong và E-và. Khi đến một cội cây, Cain ngồi xuống dưới gốc cây và chỉ cho Abêlê ngồi chung trên một cái rễ cây to. Cain vờ hỏi vặn vờ: «Đạo này em chán chán ra sao?»



15) Abêlê không hiểu bụng anh nên thành thật trả lời : «Dạ, nhờ ơn Chúa phù hộ, đàn chiên của em mỗi ngày một đông và béo lắm anh à !» Nghe Abêlê nói về sự thịnh vượng của mình lòng ghen tức của Cain càng nổi dậy, tuy nhiên Cain vẫn cố dằn lòng. Chàng lặng thinh không nói lên một lời để nén biểu lộ sự giận dữ của mình.



16) Lúc đó gương mặt của Cain đượm đầy sát khí một sự xâu xé trong nội tâm đang xảy ra. Tiếng nói của ma quỷ xúi giục: «Hãy giết người em bất nghĩa đó đi! Cứ giết nó để coi Đức Chúa Trời còn thương nó nữa không». Trong lúc đó tiếng nói của lương tri, của linh hồn, thiết tha kêu gọi...



17) « ... Cain! Cain! Mây nở nào giết em mây sao? Đó là giọt máu cùng chung một dòng, thân thể nó chẳng khác nào thân thể của mây, nếu mây phạm đến nó thì lòng mây cũng đau xót! Đức Chúa Trời không bao giờ muốn mây làm một việc tội lỗi như vậy!» Cain nhắm nghiền đôi mắt, cắn răng suy nghĩ rất nhiều.



18) Chàng muốn trấn tĩnh, muốn bỏ qua chuyện thù hận em mình nhưng lòng ghen tức càng lúc càng sôi lên. Nhìn gương mặt Abêlê, Cain không thấy một chút tình thương nào nữa và đột nhiên Cain hỏi: «Bầy chiên của mây trở nên béo tốt rồi mây xem tao không ra gì phải không?»



19) Abelê nghe Cain nói một giọng hằn học tỏ ra đang cơn giận dữ thì giật mình nhìn Cain. Đôi mắt dữ tợn của Cain làm cho Abelê khiếp sợ, chàng vụt đứng lên và vừa thụt lùi vừa đáp: «Anh Cain, anh nói gì vậy? Em không hiểu nổi!» Cain cũng đứng lên và xông tới thét to...



20) «Thiên Chúa đã yêu mày, Thiên Chúa đã nhận của lễ mày, còn tao... đồ khốn nạn, có nghĩa lý gì đâu?» Lúc đó Cain đã mất bình tĩnh, sự giận dữ đã hoàn toàn chế ngự, Cain thuận tay tát vào má em: «Mày là thằng đáng chết!» Abelê thấy Cain làm dữ chàng khiếp đảm vô cùng liền quay lưng bỏ chạy.



21) Cain liền tức tốc đuổi theo ôm lấy cổ Abelê [rồi] siết mạnh! Abelê bất thình lình bị chặn cổ đến nghẹt thở thì quỵ xuống và không chống cự nổi trước sức mạnh ghê khiếp của Cain. Chàng trợn trừng lên, kinh hãi, hai tay chơi vơi để chống chọi nhưng vô ích! Chàng cảm thấy toàn thân yếu dần, tay chân bủn rủn...



22) Đôi mắt hoa lên và như đồ sao, các mạch máu trong người chàng bị bóp nghẹt như muốn vỡ tung ra, cảnh vật trước mắt biến hiện như nhảy múa một cách ghê tợn, bỗng một màn đen sụp xuống, Abelê không còn trông thấy gì nữa và chàng ngất lịm. Một giòng máu từ khóe miệng Abelê trào ra...



23) Lúc đó Cain chẳng khác nào như con quỷ dữ, một tay ôm lấy cổ Abêlê một tay đập lia lịa lên đầu em mình mà không tiếc tay. Con giận dữ đã lấn áp cả lương tri, Cain đánh tới tấp đến khi thấy Abêlê mềm nhũn và quỵ xuống đất mới dừng tay lại.



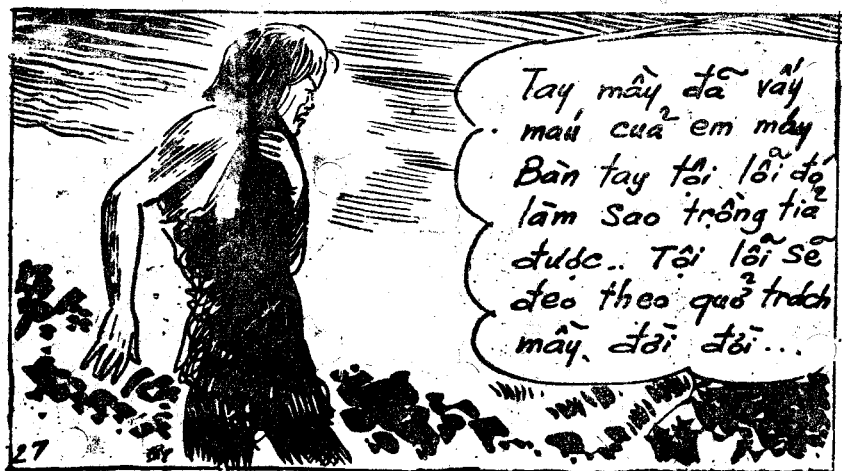
24) Trước cái xác không hồn của Abêlê, Cain hoảng hốt nhìn em mà chết điếng trong lòng: «Chết! Nó đã chết rồi hay sao? Chúa ơi! Sự chết ghê gớm như thế sao?» Nói đến đây Cain tối tăm mảy mặt vì từ thuở Chúa sanh ra loài người, Abêlê mới là người đầu tiên đã chết nên sự hoảng hốt của Cain thật là tột độ.



25) Một chập sau, Cain tỉnh dậy nhớ đến tội giết em liền sợ hãi quá. Cain nghĩ cách ém nhem để trốn tội. Nó bồng Abelê giấu vào bụi rậm để phi tang. Sau đó nó lấy vẽ mặt tươi tỉnh rồi trở về nhà như người vô sự, nhưng lúc đó...



26) Đức Chúa Trời hiện ra và hỏi Cain rằng : «Ồ Cain ! Nào em mày ở đâu ?» Cain sợ hãi quá, nhưng đã rắp tâm chối tội nên nó đã tráo trở thưa : « Tôi đâu có biết, tôi phải là kẻ giữ nó sao ? » Trước sự gian dối của Cain, Đức Chúa Trời liền quả rằng :



27) «...Sao vậy! Tiếng máu em mây đã kêu oan thấu trời, đến tay Ta nghe rồi. Tay của mây đã vấy máu em mây, từ rày bàn tay đó không thể trông tia cho cây trái sanh ra hoa quả được. Vậy thì mây sẽ phải chực dữ trên đời, bình bồng khắp xứ cùng đào tị mọi nơi và mây sẽ bị tội lỗi đeo theo mãi như án phạt cho mây đến suốt đời»



28) Bây giờ Cain mới sợ hãi: «Tay tôi đã ra dơ dáy vì máu của em tôi đã dính vào, ắt tội tôi chẳng được tha. Đời tôi chắc sẽ phải ăn lánh nơi nọ nơi kia cùng đi dong dãi mãi cho đến trọn đời tôi..»



29) Than thở rồi Cain đi thất thiêu như người điên, đi mãi mà không biết đi đâu để tìm một nơi cho an ổn lương tâm. Cain lầm bầm. «Sao ta vẫn thấy tội ta, hình bóng chết chóc của Abêlê sao vẫn hiện mãi trước mắt!»



30) Bất cứ nơi nào chân của Cain đặt đến, đều như có một con mắt sáng quắc nghiêm khắc nhìn theo anh ta. Đó là con mắt của lương tâm, con mắt của Thiên Chúa trừng phạt kẻ đã cả lòng phạm tội sát sinh.



31) Trong lúc đó ông A-dong và bà E-và phát giác ra xác Abêlê mà lòng đau như cắt. A-dong thấu hiểu vì tội lỗi của mình đã làm mất lòng Chúa nên con cháu đã phải khổ nạn như vậy. Tội tổ đã hoành hành nơi con người, và con người sẽ phải lâm lụy vì dục tính, sa đọa.



32) Cái chết của Abêlê mở màn cho một vận kiếp thảm khốc mà nhân loại đã phải chịu. Người ta giết nhau vì châu báu ngọc ngà, vì sự sang giàu, địa vị ở thế gian chẳng khác nào sự ghen tức của Cain, trái với giáo lý của Thiên Chúa: « Chúng bây hãy tha thứ cho kẻ ghét bây và làm ơn cho kẻ làm khổn bây ».



1) Nhân loại càng lúc càng tăng rất nhiều trên mặt đất, song người ta càng sanh sản hao nhiều thì càng ngờ nghịch phạm tội mất lòng Đức Chúa Trời bấy nhiêu. Không ai còn nghe theo tiếng Chúa dạy nữa. Thay vì phải thờ phượng Chúa tạo thành, người ta đâm ra thờ các ngẫu tượng...gây ra biết bao tội lỗi.



2) Người ta đã mê sa theo sắc dục, sống một cuộc sống trụy lạc chỉ cốt làm thỏa mãn thú tính, không mấy ai biết nghĩ rằng mỗi người, ngoài xác phàm còn có linh hồn, hình bóng cao trọng của Đức Chúa Trời. Con đường xa Chúa một ngày một mở rộng và đây xô nhân loại đến bước diệt vong.



3) Sự thánh thiện, sự tốt đẹp của linh hồn, phản ánh sự Chân Thiện Mỹ của Đức Chúa Trời đã ban cho nhân loại chẳng còn nữa... Thế vào đó bao nhiêu độc ác, nhơ bần, nhớp nhúa, khiến con người càng đắm ra u mê, ngụy tặc. Đức Chúa Trời thường tỏ ra tiếc công đã dựng nên loài người.



4) Đến một ngày kia Đức Chúa Trời quyết định phạt cả loài người và vật trên thế gian. Quyết định của Đức Chúa Trời đã tỏ ra sức vạn năng của Thiên Chúa để răn đe những kẻ dè người phạm đến oai danh Người vì đạo Đức Chúa Trời, danh cả của Người luôn bất diệt.



5) Khi ấy trong muôn vạn Người ta, chỉ còn có một người tên là Noe, hiền lành nhơn đức thờ phượng kính mến giữ nghĩa cùng Đức Chúa Trời, cho nên khi tội lỗi thế gian như treu cơn giận của Chúa thì việc lành nhân đức của ông Noe cũng xoa dịu phần nào cơn thịnh nộ của người. Nhờ đó, Đức Chúa Trời không phạt tuyệt cả loài người.



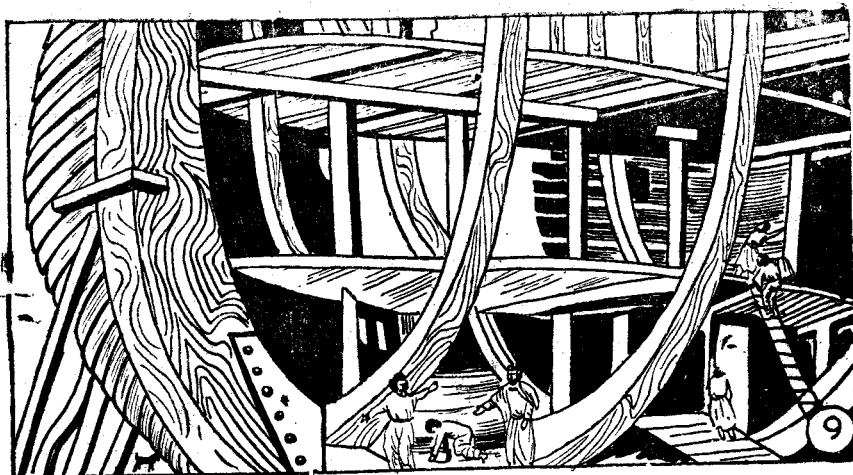
6) Ông Noe được phân biệt ra khỏi ết nỏ xấu cùng tội li của thế gian và ông trở nên kẻ được dùng mà cứu dòng dõi ông A-dong. Đức Chúa Trời hiện ra cùng ông Noe và cho ông biết rằng, Chúa đã quyết định cho một trận đại hồng thủy hủy diệt loài người ta và các loài cầm thú,



7) Chúa dạy ông Noe đóng một chiếc tàu lớn để khi có lụt sẽ chở cả gia đình ông cùng các giống muông chim để sau này sanh sản. Ông Noe vâng lệnh Đức Chúa Trời bắt đầu đóng một chiếc tàu rất vĩ đại : Bề dài ba trăm thước, bề ngang năm mươi thước và bề cao ba mươi thước.



8) Trong lúc ông Noe đóng tàu thì có nhiều người lấy làm lạ hỏi : « Ông đóng tàu làm chi mà to lớn quá vậy ? » Ông Noe nghiêm nghị trả lời : « Sắp có một trận lụt to, mọi người đều phải chết hết, vì tội lỗi đã xúc phạm nhiều đến Đức Chúa Trời. Nhiều người nghe vậy thì cười ồ lên và cho rằng ông Noe lầm lẫn,



9) Trong số những người nhạo báng ông Noe cũng có người tỏ ra nửa tin nửa ngờ, nhưng không một ai sửa mình hồi cải. Suốt một trăm năm tròn, ông Noe ra công đóng tàu, biết bao nhiêu người trông thấy và nghe lời thuật lại của ông Noe về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, nhưng ai nấy đều đứng dưng.



10) Việc ông Noe đóng tàu lâu năm mới xong là ý Chúa muốn cho loài người đáng thấy mà sửa mình, nhưng đã trở nên vô ích. Tình trạng đó không khác gì ngày nay, giáo hữu hằng nghe lời răn đe chẳng hồi lỗi cho đến lúc chết phải chịu hình phạt khôn nặn thì mới biết và ăn năn.



11) Ngày Chúa định lấy nước lụt rửa trái đất cho sạch tội lỗi đã đến. Đức Chúa Trời dạy ông Noe đem các giống muông chim cầm thú, giống sạch bảy đôi, giống chẳng sạch hai đôi, và thê tử xuống tàu. Gia đình ông có tất cả là 8 người, hai vợ chồng của ông. 3 đứa con trai là Xem, Cam, Giaphét và ba nàng dâu.



12) Ông Noe vâng lời Đức Chúa Trời thì hành mệnh lệnh xong, cửa tàu vừa đóng lại thì mưa to đổ xuống. Một trận mưa kinh khủng làm tất cả loài người phải mất vía. Sóng to gió lớn dồn dập, nước càng ngày càng dâng cao cuốn trôi tất cả nhà cửa, súc vật.



13) Trước trận mưa ò-ạt lạ lùng, bất giờ người ta mới nhớ lại công cuộc đóng tàu của ông Noe và những lời cảnh cáo của Thiên Chúa. Nhiều người kinh hải hết lên, van xin cầu cứu cùng Chúa, nhưng tất cả đều muộn màng vì lời Chúa đã phán thì chẳng bao giờ sai...



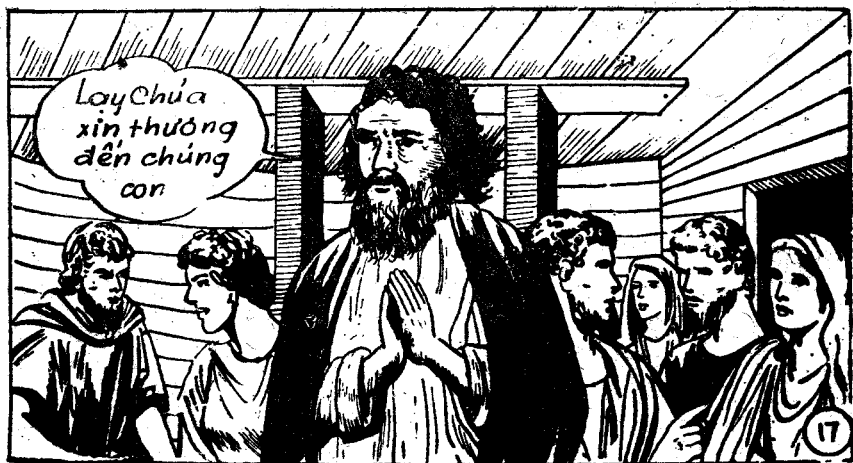
14) Những kẻ trước kia nhạo cười ông Noe bây giờ trở lại trách mình vì không biết dự phòng trước như ông Noe ăn năn lánh lợi để thoát cơn giận dữ của Đức Chúa Trời. Mưa càng lúc càng to chẳng khác muôn vạn Thiên Thần cầm chũn mà đổ xuống thể gian rửa cho sạch mọi dơ bẩn.



15) Suốt 40 đêm ngày, mưa không dứt, tất cả cánh chim đều rơi rụng, xác người và vật trôi lềnh bềnh trên mặt nước trông vô cùng ghê tợn. Thế mà nước cứ dâng cao, mưa cứ đổ xuống, đổ mãi cho đến ngập tràn tất cả đồi núi. Không một nơi nào có thể làm nơi nương tựa được.



16) Mặt đất lúc bảy giờ trở thành là một biển nước, những đỉnh núi cao cũng phải chìm sâu dưới lòng nước trên 15 thước. Không còn một sinh vật nào sống sót, chỉ trừ có chiếc tàu của ông Noe được vớt, cứu người và vật trong đó mà thôi.



17) Chiếc tàu của ông Noe càng bị sóng gió càng vững chắc, nước càng dâng cao thì tàu càng nổi lên hơn nữa. Theo sách Thánh cho rằng tàu này chẳng khác nào hình bóng của Hội Thánh. Kẻ ở trong như các giáo hữu hiện nay có kẻ lành, kẻ dữ, khác dân, khác xứ với nhau, lúc sóng gió vẫn phải chịu nhiều nỗi lo sợ, và đau khổ.



18) Tuy vậy, nếu ai không chịu đựng nổi phải thoát ra khỏi tàu cũng như rời khỏi Hội Thánh thì phải chết. Ngoài ra các Thánh sư còn gài ràng gỗ đóng tàu và nước lụt là chỉ hai sự mầu nhiệm. Nước là phép rửa tội như nước lụt đã rửa sạch thể gian; gỗ thì chỉ cây thánh giá Chúa đã dùng chuộc tội cho thiên hạ.



19) Khi nước lụt đã ngập tràn cả trái đất được 150 ngày Đức Chúa Trời nghỉ đến ông Noe và các giống ở trong tàu nên khiến gió lớn thổi mạnh làm cho nước rặc xuống. Khởi bảy tháng sau thì tàu ông Noe mới hạ xuống và đỗ trên một ngọn núi thuộc nước Armênia.



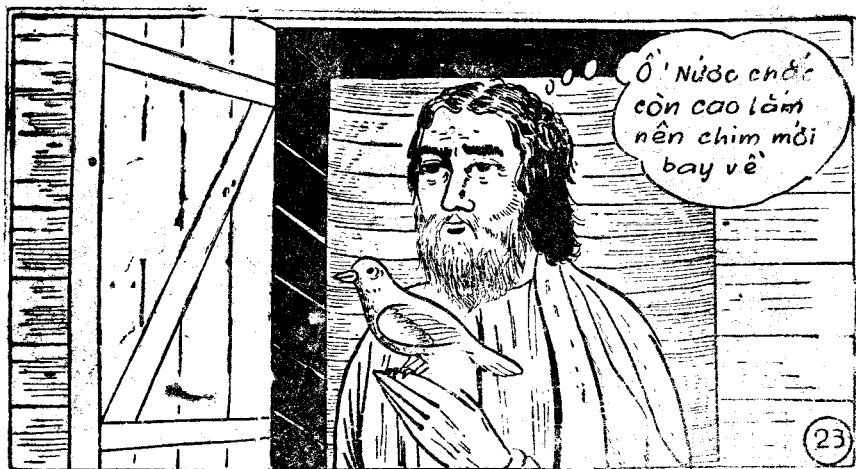
20) Trong lúc đó, ở trong tàu ông Noe nghe sóng lặn gió êm, con tàu không còn lật lư như trước nữa thì mừng rỡ vô cùng. Các giống vật đã sống bực bội và lo sợ suốt 150 ngày bảy giờ cũng tỏ ra hoan hỉ. Tuy vậy, ông Noe vẫn còn cẩn thận không dám mở cửa tàu ra xem vội.



21) Đến 4 tháng sau nữa, ông Noe mới mở một cửa nhỏ và thả một con chim quạ bay ra để thăm dò. Ông Noe dự tính nếu chim quạ bay ra mà chưa tìm được chỗ đậu thì hẳn là nó phải trở về tàu.



22) Con quạ vừa được thả ra khỏi tàu thì nó bay lượn trên không ra vẻ vô cùng thích chí vì bấy lâu đã chịu đựng tồi tệ và khổ cực. Nó càng thích hơn nữa khi thấy xác người chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước vì đó là thức ăn ngon nhất của nó. Con quạ mê trận không còn nghĩ đến việc trở về nữa.



23) Thánh kinh cho rằng con quạ này là hình bóng kẻ có tội ra khỏi Hội Thánh và mê sự hèn xác thịt chẳng trở lại dành rồi linh hồn. Ông Noe chờ mãi chẳng thấy tằm dạn con quạ nên bảy ngày sau ông lại thả ra một con chim bồ câu bay đi nữa để dò dẫm, song nó tìm chẳng gặp nơi nào đậu được nên liền trở về tàu.



24) Ông Noe biết nước chưa có rặc xuống nên đóng cửa tàu lại và cầu chuyện, van xin Chúa bớt cơn thịnh nộ. Đến bảy ngày sau, ông Noe lại thả ra khỏi tàu một con chim bồ câu nữa. Con chim này bay đi đến chiều thì nó trở về tàu tha về một nhánh cây ôliu mới đâm lá non.



25) Ông Noe biết Đức Chúa Trời đã tha phạt thế gian vì cảnh cây Ôliva non được mọc ra là chứng tỏ nước lụt đã cạn. Ông Noe mới trở mũi tàu ra nhìn thì thấy đất đã khô ráo, nhưng ông không dám tự ý ra khỏi tàu mà còn đợi lệnh Chúa.



26) Tính lại từ ngày khởi sự lụt cho đến khi ấy là đúng một năm trọn. Đức Chúa Trời mới hiện ra và dạy gia đình ông Noe và các chim muông ra khỏi tàu. Thật là một quang cảnh vô cùng vui vẻ, các giống thú vật lũ lượt ra khỏi tàu một cách thoải mái. Tiếng kêu, tiếng hót náo nhiệt.



27) Ông Noe ra khỏi tàu thì trước hết ông lo việc tế lễ Đức Chúa Trời. Ông lập một cái bàn thờ và chọn các giống thú vật sạch sẽ như chiên, bò để giết tế lễ cho Chúa. Đức Chúa Trời rất đẹp lòng nên hiện ra cùng với ông Noe...



28) ...Và ban phép cho ông Noe cùng các con ông và dạy: «Từ nay, con cái Noe được sinh sản miên duệ nối dòng, tạo nên loài người ta trên mặt đất này». Do đó tất cả loài người hiện nay đều là con cháu thuộc dòng giống Noe.



29) Đức Chúa Trời cũng dạy các chim muông cầm thú phải kiêng sợ loài người. Riêng ông Noe cùng con cháu muốn ăn giống vật nào tùy thích. Trước đó người ta chỉ biết ăn trái cây mà thôi, đến khi lụt tất cả cây trái đều chết hết nên Chúa dạy dùng thịt các giống súc vật



30) Cuối cùng Chúa chỉ cái mống, cũng gọi là cái cầu vồng, mà hứa cùng ông Noe rằng: «Từ này về sau chẳng còn đại lụt hồng thủy để phạt chết cả nhân loại vì tội lỗi nữa. Hễ khi nào mưa xuống, bây thấy mống mọc trên trời thì chớ có sợ lụt bao khắp cả trái đất như phen này».



31) Lời giao ước đó đã linh nghiệm cho nên từ đó đến giờ người ta chẳng còn thấy trận lụt nào khủng khiếp như vậy nữa. Sở dĩ Đức Chúa Trời hứa như vậy là chỉ muốn phạt thiên hạ một lần to tướng để cho thiên hạ suy gẫm mà xa lánh tội lỗi.



32) Thánh Ambrosiô gẫm rằng: “Cái mống nhờ ánh sáng mặt trời mà chói sáng nhiều màu, ngoài ý nghĩa lời giao ước xưa của Chúa, đó là hình bóng Hội Thánh được ơn Thánh Chúa là mặt trời thiêng liêng chiếu rọi luôn. Vậy mỗi khi thấy cái mống mọc trên trời, ta phải thờ lạy đội ơn Chúa đã rủ lòng thương và muốn làm lành với nhân loại.”



1) Sau trận lụt tất cả loài người đều chìm sâu dưới lòng nước, chỉ trừ gia-đình ông Noe, nhờ Chúa thương xót nên đã thoát được tai nạn. Hàng triệu người giờ chỉ còn có 8 người được sống sót là : hai vợ chồng ông Noe, cùng 3 người con trai là Xem, Cam và Giaphết với ba nàng dâu.



2) Bên cạnh hòn núi thuộc nước Araménia, cả gia-đình bắt đầu lập nghiệp. Một căn nhà rộng rãi được dựng nên. Công việc được thực hiện rất là mau chóng vì ai cũng đều cảm thấy một đời sống mới tràn đầy, nhất là vừa thoát qua một nạn lụt khủng khiếp.



3) Các vật dụng và lương thực ở dưới tàu đều được dời lên nhà. Khi trở xuống dưới tàu ông Noe thấy khung cảnh rộng rãi, những nơi các thú vật, những nơi gia đình ông nhất là chỗ ông thường cầu nguyện đã gợi nên một di tích hải hùng. Bất giác ông khẽ thở dài vì cảm thấy gánh nặng của ông rất nặng nề.



4) Theo lời Chúa phán, ông và con cháu của ông sẽ sanh sản rất nhiều để tái tạo loài người. Tất cả thiên hạ sau này đều là con cháu của ông, ông lo lắng không biết người đời sau có còn nhớ lại cơn thịnh nộ của Thiên Chúa vừa qua, biết người ta có giữ nghĩa cùng Chúa cho tròn hay chăng?



5) Suy nghĩ đến việc con cháu ông sau này lại tái phạm tội lỗi làm mất lòng Chúa và cơn giận dữ của Thiên Chúa lại nổi dậy, ông Noe sợ hãi chấp tay lại xin phù dăng tất cả cho Đức Chúa Trời : «Xin Chúa gìn giữ chúng nó!»



6) Ngày sau khai thu xếp công việc ăn ở cho gia-đình, ông Noe liền bắt đầu cùng với các con khai khẩn đất đai để trồng trọt. Những lưỡi cày bằng cây nhọn được xia xuống đất và kéo đi tạo thành những luống cày thô sơ. Ông Noe và 3 đứa con trai thay phiên nhau kéo cày.



7) Hình bóng ông Noe kéo lưới cây bằng cây nhọn nặng nề chẳng khác nào cảnh tượng hải hùng của Chúa Kitô sau này vác thánh giá đi lên núi Calavariô. Ông Noe tuổi đã cao mà vẫn làm việc nêu gương cho mọi người : Sống là tranh đấu !



8) Chẳng bao lâu nhiều thửa vườn được gây dựng, nhiều thứ cây ăn trái mọc lên rất là tốt tươi. Các giống cây đều được ông Noe trồng trong số cây ông trồng, nhiều nhất là dây nho. Ông rất thích trái cây này. Một khu vườn nho được lập riêng biệt rất đẹp mắt.



9) Vì các dây nho sinh sản quá nhiều trái, cả gia đình ông dùng không hết nên ông Noe nghĩ cách ép lấy nước rồi nấu chín chứa vào các bình để được giữ lại lâu ngày. Một lỗi lầm như là ngày nay người ta cất rượu.



10) Một hôm ông Noe dùng thử nước trái nho đã ép và vừa cất xong. Vì không biết sức nước của trái nho có thể làm cho người uống phải say nên ông Noe đã dùng quá nhiều. Sau khi uống được vài chung, ông Noe cảm thấy trong người trở nên khác thường.



11) Đầu óc cây cuồng làm cho ông thấy cảnh vật trước mắt đều đảo lộn. Trong người lại sinh ra nóng nực khó chịu. Ông vô cùng lo sợ, nhưng không lẽ nào cường lại được sức mạnh của hơi men. Ông mê mết đến thiếp đi không còn biết gì nữa.



12) Ông nằm chúi xuống đất ngủ say sưa. Sức nóng của chất rượu nho làm ông quá nóng bức, bức bối đến nỗi ông đã tởm hết cả quần áo nằm ngủ mà không hay. Trong lúc đó các con ông đều bận việc ngoài đồng, nhưng...



13) Bất ngờ, người con thứ hai của ông là Cam trở về nhà. Anh ta thấy nhà cửa vắng hoe thì ngạc nhiên vô cùng, anh lên tiếng gọi: «Cha ơi! Cha!» Song không có tiếng cha già đáp lại. Cam rất thắc mắc đi lần vào trong thấy trái nho đồ thảo lung tung bên cạnh cái bếp còn nghi ngút lửa.



14) Cam bước thêm vài bước nữa, chợt thấy ông Noe đang nằm sải tay dưới đất, quần áo không còn một manh mồm nói làm nhảm thì anh ta bắt tức cười và nói thầm: «Ông già uống nước nho bị say rồi! Ha! Ha!» Anh đứng nhấm nhía nhìn ông Noe một hồi rồi ôm bụng cười ngặt!



15) Đáng lý trong tình cảnh này, người con hiếu thảo biết cung kính cha mẹ thì chẳng nên dễ người, phải lấy quần áo che cho cha già mới phải. Nhưng vì tánh tình con người đã trở nên hư đốn thái quá, mặc dầu hình phạt lụt đại hồng thủy vẫn còn trước mắt, thiên hạ vẫn chưa chừa thói xấu...



16)... Cho nên khiến Cam đã hành động một cách vô ý thức. Nó cho đó là một trò vui nên cười đùa ra chiều khoái chí lắm. Tuy vậy, Cam cũng lấy làm chưa đủ liền chạy ra đồng kêu hai anh em là Xem và Gia phết.



17) Trong lúc Xem và Gia-phết đang lo việc đồng áng, bất ngờ thấy Cam chạy ra vừa kêu vừa cười: «Xem, Gia-phết vào đây xem cái này hay lắm!» Thấy bộ tịch quẩn quít của Cam hai người cũng bắt tức cười liền chạy theo Cam vào nhà, nhưng đến khi hai người vào tới nhà và được Cam chỉ cho xem cảnh ông Noe đang say rượu thì thất kinh.



18) Xem và Gia-phết chẳng dám cười nhạo cha già như Cam. Hai người thấy vậy liền lấy mắt nhìn nhau rồi yên lặng chạy vào phòng cha để tìm lấy quần áo của ông. Cam thấy hành động của hai anh em khác ý mình thì ra chiều mắc cỡ bèn lên đứng nhìn.



19) Xem và Gia-phết khôn ngoan choàng quần áo của ông Noe phía sau lưng rồi đi thụt lùi lại đến chỗ cha già đang nằm lả lợ mà che đậy rồi lảng lạng lui ra. Đến khi hết say, ông Noe tỉnh lại nghe hai anh em Xem và Gia-phết thuật lại việc mình đã say vô ý bỏ cả quần áo ra và hành động vô phép của Cam thì giận lắm.



20) Ông liền quở Cam cùng cả và dòng dõi con cháu nó rằng : «Mầy dễ người cha già vô ý thì mầy và cả dòng dõi sẽ phải làm tôi hai anh em mầy cho đến hết đời!» Kể đó ông cũng chúc lành cho Xem. Gia-phết và con cháu hai người, vì đã tỏ ra biết thảo kính cha mẹ, biết che đậy cho cha mẹ mỗi khi lầm lỗi.



21) Theo Thánh kinh, truyện ông Noe quá chén là hình bóng chỉ Đức Chúa Giêsu, Chúa chúng ta đã vì lòng yêu dấu nhân loại nên đã phải uống chén đắng và chịu chết xấu hổ trần trụi trên cây thánh giá. Khi ấy quân Giudêu nhạo báng người như Cam đã nhạo cười ông Noe cho nên dòng dõi phải phạt làm tôi mọi thiên hạ.



22) Năm 1800, sau trận lụt khoảng một trăm năm, con cháu ông Noe sanh sản rất nhiều kẻ chẳng xiết. Nhiều đến nỗi cả dòng dõi không thể ở chung cùng nhau được vì thiếu đất sống nên mọi người mới tính việc phân chia ra mỗi người đi mỗi nơi để tìm các vùng đất màu mỡ khác lập nghiệp.



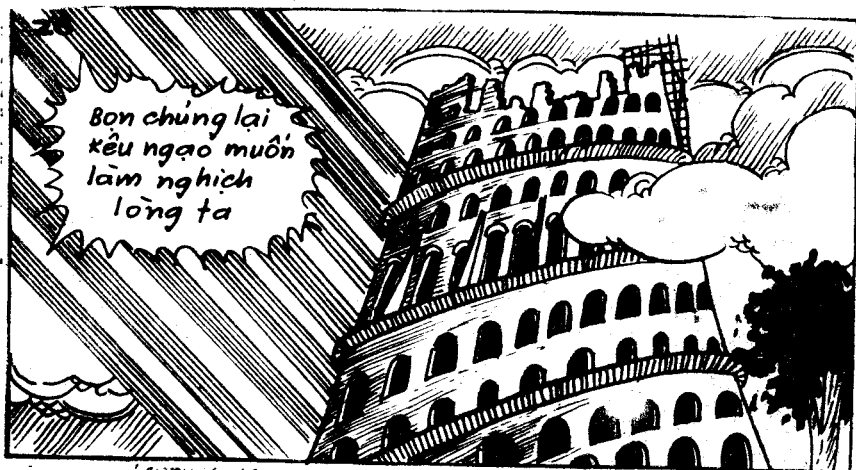
23) Nhưng trước khi đi, con cháu ông Noe muốn làm một công trình vĩ đại để làm di tích lưu lại ngày sau cho hậu thế. Sau khi bàn tính, con cháu ông Noe quyết định xây một cái tháp cao tận trời vừa để đánh dấu một kỷ niệm những ngày sống bên nhau vừa để phòng ngừa nạn lụt như nạn lụt đại hồng thủy vừa qua.



24) Bọn chúng không tin lời giao ước của Đức Chúa Trời xưa, nhất là muốn tỏ ra sức mạnh của con người có thể chống lại cả quyền vạn năng của Thiên Chúa. Chúng tưởng rằng Thiên Chúa chỉ có thể phạt chúng bằng hình phạt ngập lụt nên khi bắt đầu xây tháp bọn chúng xem như là một thành quả quan trọng.



25) Chúng reo hò, tập trung tất cả dụng cụ và nhân công quyết xây cho xong mọi công trình vĩ đại có một không hai trong lịch sử. Cái tháp khổng lồ từ từ được xây cao lên với sự nỗ lực càng lúc càng tăng gia của con cháu ông Noe.



26) Trong lúc đó Đức Chúa Trời thấy con cháu ông Noe đã tỏ ra kiêu ngạo muốn lấy sức phạm vượt qua sự trừng phạt của Thiên Chúa. Người không hài lòng; Vì Đức Chúa Trời dạy con người càng khiêm nhượng hạ mình xuống bao nhiêu thì kẻ đó càng được Chúa nâng lên cao trọng bấy nhiêu.



27) Như trường hợp con cháu của ông Noe muốn khỏi tay Đức Chúa Trời phạt thì phải lo ăn năn hối cải, chừa bỏ các tánh hư tật xấu đã làm mất lòng Đức Chúa Trời để được Người đoái thương đến giúp đỡ cho vượt qua mọi sự khốn khó ở đời này và không mất phần thưởng trên nước Thiên đàng đời sau.



28) Con cháu ông Noe đã không làm như vậy, lại còn có ý cậy sức người thoát được sự trừng phạt của Thiên Chúa. Nhưng chúng đã đại dốt không biết rằng không có việc gì mà Đức Chúa Trời làm chẳng được, vì hành động ngu xuẩn đó của con cháu ông Noe, Đức Chúa Trời quyết định phá hủy kế hoạch xây tháp đó.



29) Người không cần dùng sắt sét hay giồng bảo xô ngã ngọn tháp không lồ đang được xây cất hoặc xuống tay giết hại những kẻ nông cuồng tự thị mà Người chỉ làm cho chúng nó nói khác tiếng nhau chẳng còn hiểu nhau được nữa.



30) Trong lúc công việc đang tiến hành điều hòa, một bữa sáng kia, khi bắt tay vào việc, cả bốn người xây tháp đều phát giác ra được một sự việc lạ lùng đã xảy ra : không một người nào hiểu tiếng người nào ! Kẻ hô xô đá lên thì người kéo đá xuống. Kẻ bảo đem cái đục thì người đem búa. Thật là hỗn loạn ;



31) Mọi người đều điên đầu không còn hiểu nhau được nữa. Ngọn tháp xây được nửa chừng công việc đành phải bỏ dở, mỗi người kéo nhau đi một phương. Từ ấy về sau, người ta gọi tháp đó là tháp Babelê nghĩa là lộn xộn.

Thánh Bênadô nói rằng : «Truyện này là hình bóng...



32) ... Kẻ thế gian thường kiêu chước cho khỏi tay Đức Chúa Trời phạt: Xưa con cháu ông Noe kiêu căng nên khiến chẳng còn hiểu được tiếng nhau. Ngày nay ngôn ngữ mỗi khi bất đồng đó là ghi dấu đề cho mọi người nhớ : Hễ ai muốn làm ngụy cùng Đức Chúa Trời cũng đều thất bại.



1) Sau đại lụt, loài người tỏ ra sợ hãi, tuân lệnh Chúa một thời-gian, nhưng rồi dần dần chứng nào tật nấy, chúng cố sức xây một tháp cao để chống đối với Chúa. Tháp ấy gọi là tháp Babel,



2) Đề bảo tồn tín ngưỡng : thờ một Thiên Chúa duy-nhất và mang theo cho nhân loại sứ mệnh cứu rỗi, Thiên Chúa đã tuyển chọn một dân riêng để hoàn thành sứ mạng đó. Kẻ cầm đầu dân riêng ấy là ông Abraham.



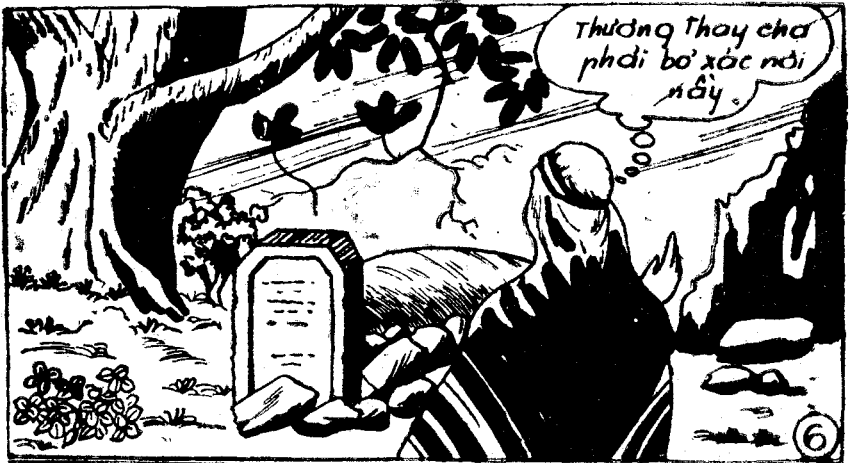
3) Ông Abraham là người hiền lành nhân đức con của ông Tharé ở thành Ur xứ Cáladêa. Một hôm Đức Chúa Trời hiện ra cùng ông và phán rằng : « Hãy đi khỏi nơi này, bỏ nhà cửa đến nơi Ta định...



4) Sau này ta sẽ làm cho con nên Tồ phụ một dân lớn và danh tiếng của con sẽ được cao sang. Ta sẽ chúc phúc cho con và nhân loại sau này nhờ con mà được phúc.



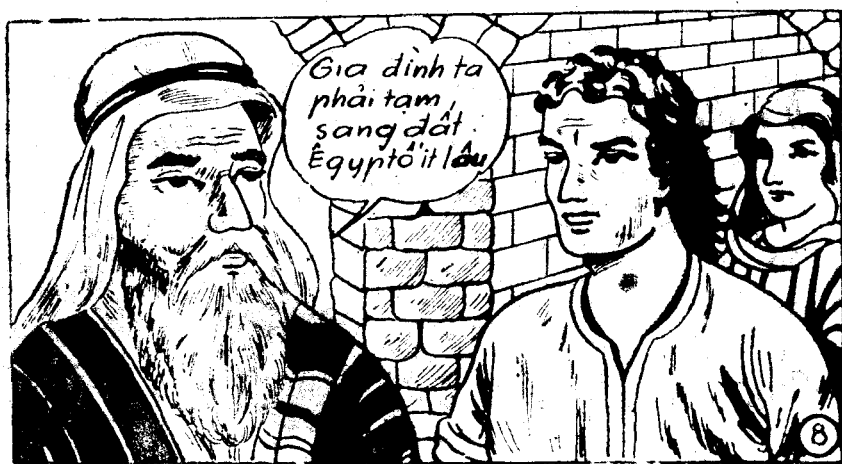
5) Vững tin vào lời Chúa, Abraham thu xếp đồ đạc, đem gia đình gồm ông Tharê là cha, ông Lót là cháu và vợ ông đến Haran, một thành thuộc xứ Mêdôpotamia. Tại đây ông trú ngụ được ít lâu thì...



6) ... Ông Tharê qua đời. Sau khi lo việc tống táng cho cha già, ông Abraham lại đem vợ và cháu đến đất Canaan. Khi vừa đến nơi này thì Đức Chúa Trời lại nhắc lại lời hứa ngày trước là sau này người sẽ làm cho cháu ông ở đầy mặt đất...



7) ...Và cho phép ông Abraham cùng dòng dõi làm chủ xứ Canaan. Ông Abraham liền lập bàn thờ cảm ơn Đức Chúa Trời là Đấng quyền phép vô cùng muốn cho ai ra thế nào thì sẽ trở nên thế ấy.



8) Gia đình ông Abraham bắt đầu lập nghiệp tại xứ Canaan. Được ít lâu, mặc dầu ông Abraham tỏ ra mạnh đức tin nhưng Đức Chúa Trời vẫn muốn thử lòng người cho nên Người làm cho xứ đó, trở nên đại hạn. Ông Abraham phải đem vợ và cháu qua nước Êđiptô (Ai Cập) cầu lương.



9) Trước khi đi, ông Abraham cẩn thận dặn vợ là bà Sara phải gọi ông bằng Anh vì sợ rằng khi đến xứ lạ gặp bọn người hung dữ thấy vợ ông đẹp đẽ thì sẽ giết ông để cướp.



10) Mà quả vậy sự lo âu của ông Abraham rất đúng, khi đến xứ Ai Cập, sắc đẹp của vợ ông đã làm xôn xao dư luận tại đây. Người ta bàn tán đến đôi thâu đến tâu vua Pharaô. Nhà vua liền hỏi quần thần: « Người đàn bà ấy như thế nào mà dư luận đồn đãi quá vậy? »



11) Một vị quan đã nhìn thấy bà Sara bước ra trước sân châu mà kêu rằng : « Tôi đã có dịp nhìn thấy người đẹp đó. Thật là một mỹ nhân tuyệt sắc, nội xứ này không ai sánh bằng nàng đẹp từ nước da má tới tóc cho đến đôi mắt cũng quyến rũ lạ thường...



12) ... Nghe đầu gia-đình của nàng ở xứ Canaan đang gặp đại hạn mất mùa nên cùng với người anh và một người cháu sang đây để tìm mua lương thực». Nhà vua mới vừa nghe tả sơ qua về sắc đẹp của bà Sara thì mê mẩn cả tâm thần.



13) ... Người liên hồi thúc : “ Các quan hãy tìm gia-đình nàng mời đến đây cho ta dạy việc để ta nhìn cho tận mắt sắc đẹp của nàng ”. Các quan vâng dạ lui ra và sai quân sĩ đi tìm bà Sara.



14) Trong lúc đó, ông Abraham dẫn vợ và cháu lang thang ngoài đường, đang ngờ ngàng trước cảnh lạ quê người thì quân sĩ xông đến mời ba người vào ra mắt nhà vua. Bà Sara hoảng hốt biết có sự chẳng lành sắp xảy ra, trong lúc ông Abraham tin cậy vào sự quan phòng của Thiên Chúa.



15) Cả ba người vâng lệnh theo quân sĩ vào cung ra mắt vua Pha-rao. Bà Sara mặc dù đang con sơ sệt, sắc đẹp vẫn không mất vẻ yêu kiều. Cả ba người đến trước sân châu từ lâu mà nhà vua chưa phán một lời. Ngài tỏ ra như nửa tỉnh nửa say nhìn bà Sara trân trối.



16) Nhà vua đã say mê bà Sara nên người có ý muốn lấy bà làm vợ. Nhà vua hỏi qua gia-thể của bà thì ông Abraham trả lời như đã sắp đặt trước. Vua Pharao liền ra lệnh đem bà Sara vào tư thất!



17) Ông Abraham và Lót được đưa đến một cung điện khác và được đối đãi tử tế. Nhiều của cải và vàng bạc được nhà vua đem tặng cho ông Abraham. Lúc đó các quan trong đền đều kính ông Abraham như là một người anh vợ của vua.



18) Tuy sống trong cảnh sang giàu, ông Abraham rất là khổ tâm vì biết vua Pharaô đã có ý cướp vợ mình mà ông không dám nói một lời. Ông kính cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời và dâng tất cả những khốn khó cho Người.



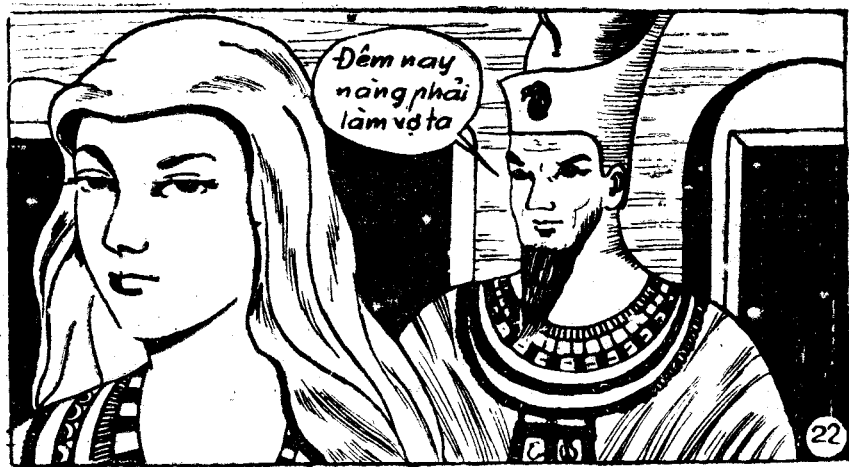
19) Sự tin cậy vào quyền phép Đức Chúa Trời của ông Abraham đã làm cho Chúa đoái tưởng và thương yêu, mặc dù Người đã có lòng giải cứu cho bà Sara thoát khỏi tay vua Pharaô.



20) Đêm đó vua Pharaô truyền đặt một bàn tiệc trong phòng riêng gọi là buổi tiệc mừng tao ngộ. Ngài tỏ vẻ thương yêu nuông chiều bà Sara và yêu cầu bà nhập tiệc với ngài. Nhưng bà Sara là người thực nữ đức hạnh nên không bằng lòng ngồi chung với nhà vua.



21) Nàng yêu cầu nhà vua cho nàng gặp mặt ông Abraham và được sống cạnh với anh nàng. Nhà vua thấy bà Sara có đức hạnh thì lại càng yêu mến hơn nên Ngài hứa sáng ngày sẽ làm thỏa mãn nàng.



22) Nhà vua bắt ép bà Sara cùng chung đụng tiệc không được nên truyền lệnh dọn dẹp để tính việc ăn ở với bà đêm đó. Nhưng khi ngài mới vừa định bước đến gần bà Sara thì bất ngờ có <https://ticiolunaypta.org>



23) Tự nhiên nhà vua cảm thấy đầu óc choáng váng và đau đớn chẳng khác nào đinh đóng vào đầu. Ngài liền ngồi thực xuống ghế và ôm đầu rên rỉ, trong lúc đó một vị quan cận thần cũng bước vào phi báo hung tin...



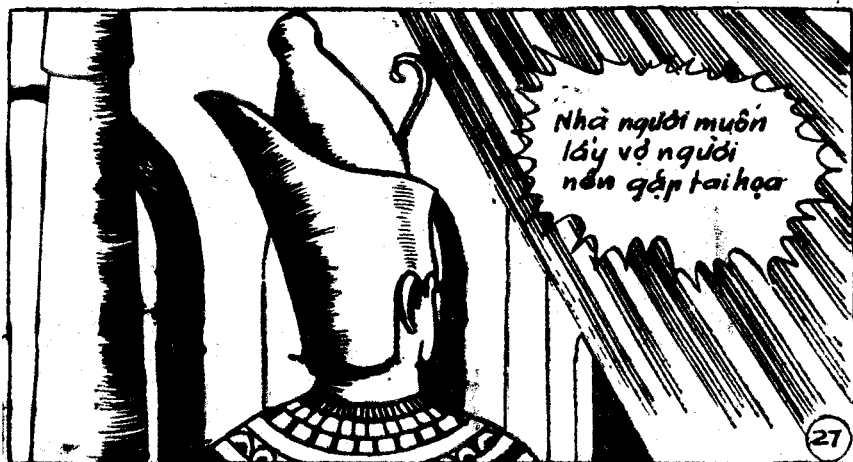
24) ...Phía sau hậu cung không biết lửa ở đâu phát cháy dữ dội. Cả hoàng cung đều kinh hoàng. Quân sĩ đang ráo riết lo việc chữa lửa. Nghe tin, nhà vua lấy làm lạ vì hậu cung là nơi vắng vẻ không người lai vãng tự dưng sao có lửa cháy?



25) Trong lúc nhà vua còn đang phân vân thì một ti nữ phò trong cung hoàng hậu tất tả chạy đến cho biết Hoàng tử đang đêm bỗng giết mình thức dậy và cứ đập đầu xuống đất cho đến chảy máu và la khóc như đang bị quỷ ám.



26) Nghe toàn những tin dữ, nhà vua sững sốt trầm nghĩ và cho rằng có lẽ Ngài đã làm việc gì không phải nên Thượng Đế mới ra tay phạt Ngài như vậy. Bất ngờ lúc đó có một tiếng nói không biết từ đâu phát ra...



27) « Vì nhà người đã manh tâm lấy bà Sara vợ của ông Abraham nên cả nhà người phải chịu khổ ! » Nhà vua hoảng hốt kêu lên và tự hứa nếu quả thật bà Sara là vợ của ông Abraham thì ông không khi nào cướp vợ người.



28) Và đêm đó nhà vua trở về phòng riêng mà không dám quấy rầy bà Sara nữa. Khi nhà vua quyết định trả bà Sara cho ông Abraham và hứa không làm hại đến vợ chồng ông Abraham thì tự nhiên các tai nạn vừa qua đều được cứu chữa xong.



1) Sau khi hồi hương không bao lâu, ông Abraham và ông Lót đều trở nên giàu có lớn; trâu bò chiên, dê vô số, tôi tớ có đến hàng ngàn người giúp việc nhà và đồng áng. Nhưng khi người ta có nhiều tiền của thì hay sinh ra những sự rối rắm.



2) Sự sống chung đụng đã gây ra nhiều việc không hay. Ngày nào trên đồng cỏ cũng có cuộc ẩu đả nhau, kẻ chăn chiên của ông Abraham và ông Lót thường sanh sự với nhau vì các vụ tranh lẫn đồng cỏ để giành phần cho chiên bò ăn.



3) Ông Abraham vốn người hiền lành thấy vậy thì rất lo ngại vì sợ chuyện xích mích sẽ đến chủ nhà. Ông bèn kêu ông Lót đến nhà mà nói rằng : «Đầy tớ nhà ta và cháu, chúng [nó] nghịch nhau là sự chẳng phải...



4) "... Ta là người trong nhà với nhau, mà [làm] thịnh đề vậy ắt sau sinh sự tệ, nên phải lo trước mới được. Bây giờ cháu chọn nơi nào mặc ý cháu, ta phải ở mỗi người một nơi thì mới không sanh ra sự bất hòa, nếu cháu đi bên tả thì ta đi bên hữu...



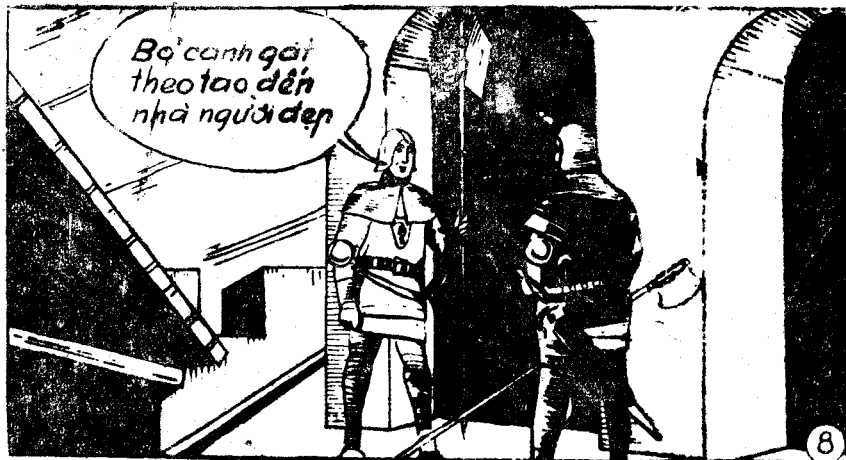
5) «... Lòng ta chỉ ước ao sự thuận hòa!» Nghe ông Abraham nói những lời phải và khôn ngoan như vậy, đáng lý ông Lót phải sửa dạy đầy tớ mình và không nên lia nhau một tấc. Nhưng ông lại vô tình không nghĩ đến điều đó, ông bằng lòng xa ông Abraham là người hiền lành mà đi nơi khác.



6) Khi đem gia-đình ra đi, ông Lót không nhất định chọn nơi nào để ở, đến khi thấy thành Sôđôma có địa cảnh vui vẻ liền đến nương nụ. Ông Lót vốn là người đạo đức lại là kẻ lành đến ngụ tại thành Sôđôma là đất kẻ tội lỗi, thật là điều không hay khiến ông sau này phải gặp nhiều sự khốn khổ.



7) Thuở đó dân thành Sôđôma có tiếng là trụy lạc và dâm dăng nhất. Cả thành chỉ biết ăn chơi chạy theo thú vui xác thịt không nghĩ gì đến việc thờ Phụng Chúa Tạo-Thành.



8) Cả đến việc xây thành đắp lũy chống giặc hoặc canh phòng' địch quân xâm lăng cũng rất là bê trễ, quan quân ngày đêm đi tìm gái đẹp, rượu chè. Cuộc sống tại thành Sôđôma dâm dăng trắng trợn chẳng khác nào loài cầm thú.



9) Các nước láng giềng thấy vậy có ý định xâm chiếm. Một hôm, bốn nước hợp nhau bàn soạn kế hoạch tấn công để cướp lấy của cái thành Sôđôma. Bốn vị vua của bốn nước đều đồng ý và hẹn ngày cất quân xâm lăng.



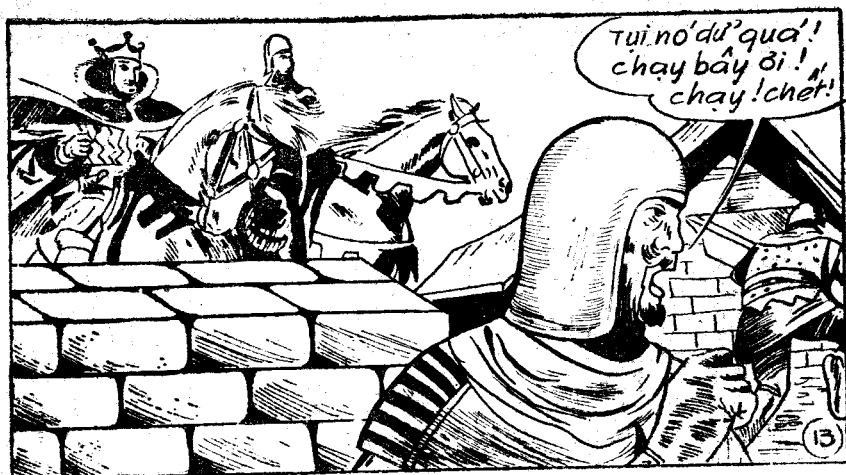
10) Đúng ngày hẹn, quân sĩ bốn nước rầm rộ tiến quân về hướng thành Sôđôma. Các xứ thuộc thành Sôđôma bị đánh phá tơi bời. Thế quân như vũ bão, tiến đến đâu, quân binh của thành Sôđôma đều trốn chạy như chuột.



11) Trong khi giấc đến bên thành, hàng ngũ binh lính của thành Sôdôma vẫn chưa hay biết. Họ còn say sưa bên người đẹp, bên chén rượu, cho đến khi dân chúng bị giấc phá tuồng nhau bỏ chạy, họ mới thức tỉnh.



12) Vua thành Sôdôma nghe tin bốn vua cùng cất quân đánh thành, thất kinh kéo hết binh ra kháng cự. Nhưng binh lính của ông gồm toàn là những kẻ chỉ biết đàn đúm chơi bởi cớ không biết ra trận. Nhiều người đi đánh giấc mà chẳng chuốt chẳng khác nào đi dự tiệc.



13) Khi xông phá trước trận, trước uy vũ của bốn vua quân thành Sôđôma chưa đánh đã mất vía hồn kinh. Hai bên chưa đánh nhau được bao lần thì cả binh và vua của thành Sôđôma đều phải thua chạy.



14) Quân của bốn vua tiến binh vào thành Sôđôma cướp đoạt của cải vàng bạc vô số. Các dân trong thành đều bị bắt về làm tôi tớ cho bốn vua thắng trận. «Ngày xưa đánh giặc, các nước thắng trận thường bắt dân của nước thua về làm tôi mọi».



15) Ông Lót cũng đồng chung số phận với dân thành Sôđôma ông bị cướp hết của cải và bị bắt làm tôi mọi. Hàng ngàn người trong thành bị giết bắt, tiếng la tiếng khóc vô cùng thảm nảo.



16) Trong khi hỗn độn, quân lính của bốn vua lo cướp lấy vàng bạc, có một người binh sĩ Sôđôma quen biết ông Lót và ông Abraham thoát thân được. Người này liền chạy đến báo với ông Abraham về việc ông Lót đã bị giặc bắt.



17) Nghe hung tin, ông Abraham không chấp nhận sự vụn dại của ông Lót, đã lia bỏ ông khi trước, ông tỏ ra thương xót và tìm phương thế để giải nguy cho cháu. Ông chọn trọng đám đầy tớ được ba trăm mười tám người gồm những kẻ tài trí và mạnh mẽ, dẫn đi cứu ông Lót.



18) Mặc dù lực lượng của ông Abraham, không thể sánh với quân binh của bốn vua được, nhưng ông Abraham vì nóng lòng cứu ông Lót, nhất là cậy nơi sức của Đức Chúa Trời không hề bỏ kẻ yếu trung, nên ông hăng hái đốc xuất mọi người tiến binh.



19) Mà quả vậy, ông Abraham đã được Đức Chúa Trời phù hộ giúp sức vì người không phụ lòng những kẻ biết giữ nghĩa cùng người. Ông Abraham chẳng khác nào một vị tướng lãnh từng xông pha trận mạc có nhiều kinh nghiệm chiến trường. Ông phân đây tớ ra làm ba đội.



20) Và cho hiệu lệnh để tất cả đều xông vào các trại giặc đánh phá. Các đây tớ thấy ông Abraham điều khiển binh tinh, rất căm phục và tin tưởng sự chiến thắng sẽ cầm chắc trong tay. Ai nấy đều rầm rập tuân lệnh.



21) Sau khi sắp đặt quân ngũ tề chỉnh, ông Abraham cho người đi thám dò doanh trại của bốn vua. Ông được biết sự phòng bị của địch quân rất là chênh lệch, vì đa số binh giặc đang tranh dành chiến lợi phẩm: Kẻ tranh gái đẹp, người tranh vàng bạc châu báu.



22) Thừa lúc binh giặc bất phòng, ông Abraham ra lệnh tấn công. Ba trăm mười tám người đẩy tới được chia ra làm ba mặt xông vào một lượt. Tiếng la hét vang trời chẳng khác nào một đạo binh hùng dũng gồm có cả ngàn quân sĩ.



23) Bất ngờ bị tấn công như bảo tố, nơi đâu cũng có kẻ địch, ba mặt đều có tiếng la phá giết tung bừng, quân sĩ của bốn vua không kịp phòng bị nên hàng ngũ rối loạn. Lệnh truyền của vị chỉ huy không còn được ai tuân nữa. Mỗi người lo bảo vệ lấy bản thân.



24) Nhờ đó mà dẫy tớ của ông Abraham xông pha vào các doanh trại rất dễ dàng, quân sĩ của bốn vua chỉ đánh cầm chừng rồi thối lui. Không mấy chốc binh lính của bốn vua đều trốn chạy hết không kịp mang theo chiến lợi phẩm vừa cướp được của thành Sê-tô-ma.



25) Đầy tớ của ông Abraham tiến vào các cơ quân, giải thoát cho đám người bị bắt làm tôi mọi. Ông Lô và gia đình được thả ra cùng với số người này. Khi ông biết được chính ông Abraham đã đem đầy tớ giải thoát thì ông vô cùng cảm động.



26) Ông Lô được ông Abraham đem về nhà, thâu góp lại đồ đạc châu báu, thấy không mất một món chi, ông vô cùng mừng rỡ và cảm đội ơn Chúa đã giúp sức cho bác mình đánh tan được quân giặc cứu ông thoát khỏi tai nạn.



27) Trong khi đó vua thành Sôđôma nghe ông Abraham dẹp được giặc mừng rỡ vô cùng kéo binh tướng trở về thành và ra mắt ông Abraham. Nhà vua hết lòng cảm ơn ông Abraham và nói rằng: «Ơn ông đã cứu nước khỏi nạn...



28) ... Và thu lại được vàng bạc của cải chẳng mất. Bao nhiêu của ấy, trăm xin cho ông tất cả để tỏ lòng biết ơn của trăm». Ông Abraham liền từ chối: «Chúa tôi ở trên trời làm chứng cho tôi, dầu một vật gì nhỏ hèn tôi cũng chẳng lấy».



29) «E rằng người ta cho là tôi bởi tham của cải mới trở nên phú quý». Vua thành Sôđôma nài ép đôi ba phen, ông Abraham nhất định không lấy. Lúc đó có một Thầy Cả. Đạc Đức ở thành Giêrusalem là Mêchixêdét đến rước mừng ông Abraham.



30) Ông đem của lễ dâng cho ông Abraham là bánh với rượu nho. Của lễ này là hình bóng về sau Đức Chúa Giêsu truyền phép Thánh Thể. Ông Abraham thấy của lễ thanh bạch, thì rất đồng ý và kính Thầy Cả lắm.



31) Ông xin Thầy Cả chúc lành cho ông. Thầy Cả làm phép lành và cảm ơn Đức Chúa Trời đã giúp ông. Abraham khỏi mọi sự dữ lại được tên rất lớn trước mặt Đức Chúa Trời cùng trước mặt thiên hạ.



32) Sau đó, Abraham cùng với đầy tớ trở về nhà. Mọi người khen ngợi việc ông Abraham từ chối của lễ của vua thành Sôđôma. Ông đã nêu gương giáo hữu phải yêu thương giúp đỡ nhau vì Chúa chẳng phải vì tư lợi.



1) Sau khi ông Abraham thắng trận và cứu ông Lót xong ông trở về nhà với niềm tin Đức Chúa Trời là đáng tối cao nhiều quyền phép vì người đã giúp ông thắng trận một cách vẻ vang. Ngay khi đó Đức Chúa Trời lại hiện đến cùng ông.



2) Người dạy ông chịu phép cắt bì để làm dấu riêng chứng mình là con dân của Đức Chúa Trời đã chọn. Người cũng nhắc lại lời hứa và cho ông Abraham biết bà Sara sẽ sinh đẻ một con trai và đứa trẻ đó sẽ trở nên đầu một dòng dõi đông vô số như cát dưới biển, như sao trên trời.



3) Ông Abraham nghe vậy, cúi đầu nói : «Tôi đã một trăm tuổi, vợ tôi cũng đã chín mươi tuổi lẽ gì sanh con dạng?» Những Đức Chúa Trời phán rằng : «Sự ấy không hề sai ! Đồng thời Người cũng cho biết, nhờ con của ông Abraham sau này nhiều đấng làm vua nhiều dân lớn sẽ được sinh ra.



4) Sau đó mấy hôm, vào một buổi trưa nóng bức, ông Abraham đang ngồi trước cửa hóng mát, bỗng có ba thiên thần, hiện đến. Ngờ là khách đi đường, ông Abraham theo phép lịch sự ngày xưa, vội vàng rước vào nhà nghỉ ngơi và dọn tiệc đãi khách.



5) Khi ăn uống xong ba Thánh Thiên Thần thấy vắng bà Sara, vì bà Sara là người nữ nết na nghiêm nhặt không ra mặt với khách, nên hỏi ông Abraham: «Bạn ông ở đâu?» Ông trả lời: «Bà ấy ở trong nhà!»



6) Ba Thánh Thiên Thần truyền rằng: «mùa này bà Sara sẽ sinh đặng một con trai thật đáng vui mừng, hai ông bà nên đặt tên cho trẻ là Ê-giác, nghĩa là mừng rỡ.



7) Đồng thời ba Thánh Thiên Thần cũng nói cho ông Abraham biết, ba người vâng lệnh Chúa đến trừng phạt thành Sôđôma vì dân trong thành đã phạm nhiều tội như tiếng kêu thầu đến tòa Chúa.



8) Khi đó, ông Abraham mới biết ba người khách lạ là Thiên Thần lấy hình người đến phạt thành Sôđôma. Ông Abraham liền quì xuống van xin cùng Chúa và ba Thánh Thiên Thần tha tội cho dân thành Sôđôma.



9) Ba Thánh Thiên Thần thấy ông Abraham nài nỉ van xin tha tội cho dân thành Sôđôma nên dạy rằng: «Nếu ông tìm trong thành Sôđôma được mười người nhân đức thì Đức Chúa Trời sẽ tha cả thành». Ông Abraham nghe vậy thì lấy làm mừng rỡ, xin hẹn với ba Thánh Thiên Thần đến chiều hôm đó để ông đi tìm.



10) Ông Abraham đến thành Sôđôma đi khắp các nơi để tìm lấy mười người đức hạnh như lời ông đã hứa với ba Thánh Thiên Thần. Nhưng trọn buổi chiều đó ông tìm mãi mà chẳng được, đầu đầu ông cũng gặp phải những phường tội lỗi xấu xa không xứng đáng là con của Đức Chúa Trời.



11) Lúc đó ông Abraham mới biết sự trừng phạt của Thiên Chúa tuy nghiêm khắc nhưng rất chí công. Ông thất vọng trở về nhà trình cùng ba Thánh Thiên Thần: «Tôi tìm suốt nửa ngày mà không gặp lấy một người nhân đức!». Ba Thánh Thiên Thần liền từ giả ông Abraham trước sự náo nức của ông.



12) Chiều hôm đó, ông Lót đang ngồi ở trước cửa thành Sôđôma thấy hai người khách lạ đi đến. Mặc dù ông đã sống chung với những kẻ tội lỗi, nhưng nhờ đã học tập tánh nhân đức của ông Abraham khi trước nên ông liền mời hai khách về nhà nghỉ ngơi.



13) Hai khách lạ liền từ chối: "Cám ơn ông có lòng tốt, chúng tôi có thể trọ ở hàng quán cũng được". Ông Lót cứ theo nài ép mãi, bắt dắt đi hai khách lạ mới chịu ý theo ông về nhà, ông Lót mừng rỡ cung kính làm tiệc đãi khách.



14) Trong khi ông Lót thù tiếp hai người khách lạ, một số dân trong thành hay được bàn tán với nhau đến bắt hai người khách lạ để thỏa mãn thú tính như chúng đã quen hành động.



15) Đêm đó, khi hai người khách lạ sắp sửa nghỉ ngơi, những người ác nghiệt dã man của thành Sôđôma kéo đến. Chúng đến gõ cửa nhà ông Lót và đòi đem hai người khách lạ ra cho chúng.



16) Ông Lót thấy vậy rất kinh hãi, ông ra trước cửa căn gian và khuyên: «Xin các người chớ làm sự trái hiệp đáp khách đến nhà tôi, nếu các ông làm hại người ta chẳng khác nào các ông đã làm hại đến tôi!»



17) Bọn người dả mame đó chẳng những không nghe lời can của ông Lót mà còn mắng lại ông nữa. Chúng làm dữ toan phá cửa xông vào nhà, ông Lót hoảng sợ chạy vào trong và hai khách lạ liền khóa cửa lại.



18) Hai người khách lạ chính là hai Thánh Thiên Thần đến phạt thành Sôdôma, thấy dân trong thành tỏ ra mất đại quá sức liền phạt những người đó phải bị đui hết. Tuy bị phạt như vậy mà những người đó vẫn còn lòng thú lẫn mò theo vách để tìm cửa vào nhà ông Lót.



19) Sau khi phạt những kẻ khốn nạn, hai người khách lạ mới nói cho ông Lót biết hai người là Thiên Thần được Đức Chúa Trời sai xuống phạt cả thành Sôđôma một cái thành bần thiêu không có đến một người nào biết thờ phượng Chúa.



20) Tuy nhiên đối với ông Lót vì là cháu của ông Abraham đã làm lỗi sống trong cảnh tội lỗi nhưng không xấu xa như những kẻ khác nên Thánh Thiên Thần khiến vợ chồng ông và con cái phải lánh xa khỏi thành.



21) Ông Lốt liền tức tốc đến cho hai người rề hay đề lo thu xếp đồ đạc trốn ra khỏi thành, nhưng hai người rề không tin có sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Hai người đã không nghe lời ông Lốt nói và còn cho đó là những lời vô căn cứ.



22) Đến sáng hôm đó, thấy ông Lốt mãi lần lữa tỏ ý chẳng muốn ra khỏi thành vì còn mến tiếc của cải nhà cửa, Thánh Thiên Thần liền giục ông ra cho kịp. Sự này chỉ kẻ có tội khi được kẻ thay mặt Chúa Khuyên dứt thì hay thôi thất chờ đến ngày Chúa phạt mới ăn năn.



23) Ông Lót thu xếp của cải xong nhưng vẫn chưa muốn rời bỏ cửa nhà. Thánh Thiên Thần, nêu gương kẻ giúp việc Đức Chúa Trời, kéo tay ông Lót đưa ra cửa và đem gia-đình ra khỏi thành.



24) Khi đó Thánh Thiên Thần dặn rằng: «Dù có nghe chuyện động gì phía sau cũng đừng quay mặt lại. Lời ấy chẳng khác nào lời Chúa đã phán: «Hễ ai cầm cày thì cày cho ngay đường, nếu trở mặt nhìn sau lưng thì chẳng nên nghề làm ruộng» Nghĩa là...



25) ... Kể đi đàng phước đức, mà còn dính bên thế gian thì chẳng thể nào được phước trên nước thiên đàng.

Khi ông Lót đã đi theo Thánh Thiên Thần ra khỏi thành Sôđôma liền xin được vào ẩn mình trong thành Segor gần đó.



26) Thánh Thiên Thần đồng ý và giục đi cho mau. Khi gia đình ông Lót vừa vào đến thành Segor lửa diêm bởi trời tưới xuống đốt Thành Sôđôma và ba thành gần đó. Đáng lý thành Segor cũng bị đốt nhưng vì nhờ có gia đình ông Lót ẩn thân nên Đức Chúa Trời luận tha



27) Hàng ngàn dân thành Sôđôma và ba thành lân cận bị lửa diêm hỏa thiêu một cách kinh khủng. Hai người rề của ông Lót lúc đó mới sợ hãi tuông chạy, nhưng đâu đâu cũng đều ngập tràn những lửa chẳng khác nào trong bể hỏa ngục.



28) Trong nháy mắt không một vật gì còn sót được! Tất cả đều ra tro bụi! Lầu đài, nhà cửa sụp đổ, đất đai rung chuyển tạo nên những tiếng động kinh hồn. Khi ấy vợ ông Lót nghe tiếng lửa cháy nổ bùng, quên lời của Thánh Thiên Thần đã dặn.



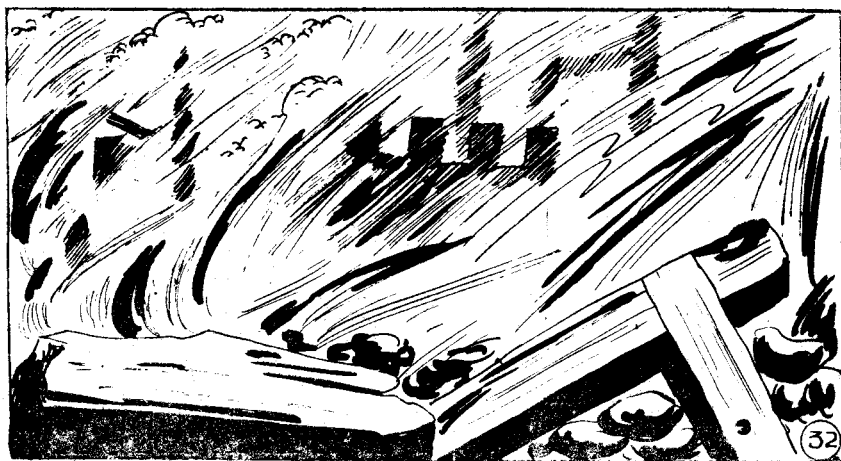
... 29) Bà tò mò quay trở mặt lại nhìn xem cảnh tượng hỏa thiêu thành Sôđôma, tức thì bị phạt, thân hình bà trở nên cứng như đá và chết cứng nơi đó. Sự này nên một bài học cho những kẻ hay tò mò xem xét đến việc của kẻ khác và không biết vâng theo lời Chúa dạy.



30) Riêng về ông Lót nhờ lời Thánh Thiên Thần đã dặn nên cùng với hai con vào trú trong thành Segor. Tuy vậy khi ông thấy khắp nơi đều dậy lửa, ông sợ lửa lại tràn đến nên dẫn hai đứa con gái chạy đến ẩn vào trong một hang đá.



31) Nhìn thấy thành Sôđôma bị hỏa thiêu một cách tàn khốc, ông Lót kinh khiếp nghĩ đến sự do-sự không muốn rời cửa nhà của ông, lúc Thánh Thiên Thần thúc giục mà sợ hãi vô cùng. Ngày sau chúa Giêsu lên án kẻ đã xem nhẹ lời phán dạy...



32) ... Ngày phán xét những quân thành Sôđôma chẳng chịu phạt nặng bằng kẻ nghe lời Đức Chúa Trời mà lấy làm nhẹ ! Thánh Bênađô cho rằng: khi thành Sôđôma bị đốt thành tro tạt, thì gió cuồng những tro thành đó bay khắp tứ phương cho mọi người đều sợ hãi lánh xa tội lỗi làm mất lòng Đức chúa Trời.



1) Như lời Đức Chúa Trời đã phán, bà Sara tuy lớn tuổi mà sinh được một con trai, nổi vui mừng hiện lên trên hai gương mặt già nua chất phác. Ông Abraham càng tin tưởng mãnh liệt lời Chúa đã hứa: «Đấng cứu thế sẽ bởi dòng dõi này sinh ra».



2) Đứa trẻ được đặt tên là Êgiác, nghĩa là vui mừng, và khi tám ngày được chịu phép cắt bì như lệnh Đức Chúa Trời đã truyền cho ông Abraham trước. Đó là dấu chỉ khi người giáo hữu được lòng tin cậy vững bền thì các Thầy Đặc Đức mới vui mừng.



3) Lúc Êgiác được vài tuổi, có một tên là Ismael con của Egar tới tở trong nhà, tỏ ra ganh ghét Êgiác vì thấy Êgiác là con chánh thức được nối dòng trưởng tộc. Ông Abraham và bà Sara không muốn có sự ganh tị, xáo xáo trong nhà.



4) Một buổi sáng ông Abraham lấy bánh và một hủ nước đặt trên vai Egar và buộc nó phải dẫn đưa con xấu tánh ra khỏi nhà. Đó là hình bóng cho mọi người thấy kẻ hay trêu chọc người lành sẽ chẳng được thông phần phước cùng Đức Chúa Trời.



5) Đến khi Êgiác đã lớn khôn, Đức Chúa Trời lại muốn thử lòng ông Abraham một lần nữa. Người dạy đem Êgiác, đưa con độc nhất mà hai ông bà rất thương mến, lên núi Moriah giết để làm của tế lễ Chúa.



6) Ông Abraham nhớ lời Chúa đã hứa ngày trước rằng: mình sẽ nên tương đồng dồi cực trọng, ngày sau sinh Chúa Cứu Thế. Nay lệnh Chúa lại dạy đem con đi giết, ông vô cùng phân vân, nhưng không dám cãi lệnh hoặc phản nài điều gì.



7) Ông âm thầm xếp đặt công việc thi hành lệnh Chúa Sáng sớm hôm sau ông Abraham chõu dậy sửa soạn lương thực, đặt trên lưng một con lừa. Hai người đầy tớ cũng được lệnh đem theo củi và lửa cùng đi với ông Abraham. Hành lý đã xong, một chuyến đi thăm nảo khỏi hàn.h.



8) Hai người đầy tớ thấy chủ buồn bã cũng không vui gì và không dám hỏi han. Tội nghiệp Êglac ngây thơ theo bên cạnh cha già mà không biết chính mình sẽ trở thành của lễ. Sự hồn nhiên trong trắng của Êglac càng làm cho ông Abraham thấm thiết và thương con vô cùng.



9) Tuy nhiên, ông quyết một lòng dâng lời Chúa, chẳng dám tiếc con, phú dâng mọi sự ở tay CHÚA định. Suốt hai ngày hành trình rừng rã kéo dài sự đau đớn, ông Abraham đã tỏ ra can đảm vô cùng. Đến sáng thứ ba ông mới đến nơi.



10) Ông Abraham dạy đẩy tớ ở dưới chân núi còn hai cha con ông thì trò thẳng lên núi cao. Ông không muốn sự hiện diện của kẻ khác vì sợ có sự cản trở hay chăng? Ông giao cho Êgiac vác củi theo ông lên núi.



11) Một tay cầm gươm một tay cầm lửa xâm xâm tiến bước. Êgiác lảo đảo vác củi theo sau chẳng khác nào hình bóng sau này Đức Chúa Giêsu vác thánh giá lên núi Calavariô chịu chết vì nhân loại để nên của lễ cho Đức Chúa Cha.



12) Đang lúc lên núi, Êgiác ngây thơ hỏi cha rằng : « Gươm cùng củi và lửa đã sẵn còn thịt tế lễ ở đâu ? » Nghe con hỏi chẳng khác nào lưỡi đồng xuyên qua trái tim, ông Abraham đau đớn vô ngần, nhìn con mà đôi giòng nước mắt chực trào ra.



13) Ông Abraham gắng gượng trả lời : « con đừng lo điều ấy làm chi, hãy đến đây Đức Chúa Trời sẽ lo liệu cho có mà tế lễ » Nghe cha nói vậy Êgiác không hỏi han gì thêm, ông lặng lẽ theo cha già với lòng tin tưởng ? « Chúa sẽ lo liệu của lễ...



14) Khi đến nơi Đức Chúa Trời chỉ định, ông Abraham đặt bàn thờ đá và chắt củi lên. Công việc xong xuôi ông quay lại nắm lấy Êgiác rồi thúc ké đặt nằm trên đồng củi. Êgiác sững sờ ngạc nhiên nhìn cha trần trụi mà không thốt được lời nào.



15) Ông Abraham quyết một lòng dâng lời Chúa dạy không hề tính riêng ngy trị trái tim, ông can đảm rút gươm ra và giơ cao lên định ra tay hạ sát đứa con đề làm của lễ như lời Chúa đã phán. Khi lưỡi gươm vừa sắp sửa hạ xuống.



16) Bất ngờ, ngay lúc ấy Thánh Thiên Thần hiện ra ngăn lại mà rằng : « Thôi chờ giết con làm chi ! Bấy nhiêu đó đủ làm chứng ông đã có lòng dâng lời Đức Chúa Trời. Xảy ông hãy bắt con chiên kia mà làm của tế lễ ! »



17) Ông Abraham quay lại thấy con Chiên đang mắc sừng trong bụi gai thì mừng rỡ vội mở trời cho con và đến bắt chiên đó đem đến tế lễ cho Chúa thay vì phải hy sinh đứa con yêu dấu.



18) Thánh Gioankim Khẩu Thánh Sư cho rằng sự này nêu gương kẻ đời sau biết : Con cái là của Đức Chúa Trời ban nên phải sẵn lòng tế lễ con mình cho Chúa, nghĩa là phải làm cho nó biết thờ phượng Chúa, nếu nó muốn dâng mình cho Chúa thì cũng chẳng nên ngăn cản.



19) Sau khi tế lễ xong ông Abraham dẫn con xuống núi hiệp với hai người đầy tớ trở về nhà. Khi đi thăm nào bao nhiêu, lúc về ông Abraham vui mừng và kính mến Đức Chúa Trời bấy nhiêu.



20) Được ít lâu sau, bà Sara được 127 tuổi mới sinh thì ông Abraham thương tiếc khóc lóc và lo việc chôn xác vợ. Mặc dù Chúa đã hứa cho ông vùng đất Canaan, ông Abraham vẫn không hề đề ý đến, ông đích thân đến ông Trưởng tộc trong vùng xin mua đất để chôn cất xác vợ.



21) Người bồn xừ thấy ông khiêm nhượng nên rất mến cho ông muốn chọn nơi nào tùy ý. Ông tìm được một vườn có hang đá và cất xác bà Sara tại đó, Đến ngày sau ông cũng trở lại cùng con cái xin cất xác mình ở đó nữa.



22) Khi ông Abraham đã già cả mới lo việc cưới vợ cho ông Ê-giác, nhưng người chẳng chịu cưới vợ ngoại cho con nên sai Êliêđê trở về đất củ nơi người ở lúc trước kiếm gái nhà có đạo biết thờ phượng Chúa để chọn, kết bạn với Êgiác.



23) Ông Êliêđê là người đầy tớ ở lâu năm, rất khôn ngoan và trung thành. Khi ông Êliêđê đến thành Nachor thuộc xứ Mésôpotamia, ông ngồi lại ngoài thành gần một cái giếng mà cầu xin cùng Đức Chúa Trời.



24) Ông xin Chúa lấy việc như sau làm dấu : người nữ nào đi lấy nước sẵn lòng cho ông và các vật chở đồ uống nước, ấy là kẻ được Chúa chọn làm bạn cùng Êgíac. Trong lúc Êliêđê đang cầu xin thì có Rêbecca là một người nữ đẹp đẽ, đức hạnh và đồng trình đi lấy nước.



25) Khi Rebecca lấy nước trở về thì Êliêđê bước đến xin nước uống. Rebecca vui vẻ cho nước uống và còn có ý tốt xin gánh nước cho các vật chở đồ theo Êliêđê uống nữa. Êliêđê tin chắc người nữ này là kẻ Đức Chúa Trời đã chọn làm bạn cùng với con của chủ.



26) Êliêđê lấy đôi hoa tai vàng và đôi vòng vàng đeo tay mà trao cho Rebecca như đền ơn và hỏi: « Cô là con nhà ai? » Rebecca thưa rằng: « Tôi là con ông Bathuê cháu ông Abraham. Êliêđê mừng rỡ tỏ thật mình là đầy tớ ông Abraham. Rebecca nghe vậy liền mời về nhà.



27) Về đến nhà, Rêbecca kể lại mọi sự trước sau. Laban là anh của Rêbecca thấy hoa tay và vàng vòng trong tay em liền bước ra tiếp khách và sai đầy tớ dọn tiệc thết đãi. Êliêđê lễ phép nói : « Vì tuân lệnh chủ thi hành một việc mà chưa xong nên xin được phép trình bày rồi mới dám nhập tiệc ».



28) Laban nói rằng : « ông cứ việc nói » Êliêđê mới kể những ơn Đức Chúa Trời đã ban cho quan thầy, ông đã trở nên một trưởng giả phú quý. Êliêđê cho biết bốn phận hiện tại của ông là đến đây để xin chủ gia gả con gái cho Êgiác là con của quan thầy ông.



29) Êlîêđê cũng tường thuật lại lời cầu xin của ông ở bên giếng ngoài thành. Ông Bathuê cùng Laban nghe vậy liền kính thánh ý Chúa nên chẳng dám từ. Ông Bathuê đem lễ vật trâm chuỗi trao cho Rêbecca và sắm sửa hành trang đưa con về nhà chồng.



30) Đến sáng ngày, Êlîêđê xin với ông Bathuê và Laban cho được nước Rebecca về nhà ông Abraham. Ông Bathuê do dự và xin hoãn lại ít ngày. Ông Êlîêđê, vì gấp về nên nài nỉ xin khởi hành cho sớm, ông Bathuê mới hỏi con gái có muốn theo ông Êlîêđê đi ngay bây giờ hay không?



31) Rêbecca thuận ý như lời Êliêđê. Bắt đắc dĩ ông Bathuê phải đưa con theo Êliêđê về nhà chồng. Khi về đến nhà Rêbecca nhìn thấy ông Êgiác đang ở ngoài đồng nguyên găm liền lấy khăn che mặt đi, tỏ ra là một người nữ nết na không lấy nhan sắc làm đẹp ý chồng.



32) Lúc đưa Rêbecca về đến nhà, Êliêđê thuật lại công việc đi cưới vợ cho Êgiác cho ông Abraham nghe, người rất đẹp ý. Ông Êgiác rất thương yêu bà Rêbecca nên cũng khuây khỏa nỗi nhớ người mẹ vừa thất lạc không được bao lâu.



1) Đến 175 tuổi, ông Abraham mới qua đời, ông xứng đáng là tổ phụ kẻ có lòng tin cậy Đức Chúa Trời, cả đời ông đã ở hết lòng cùng Chúa, sẵn lòng chịu mọi sự khó vì Thánh ý Chúa.



2) Sau khi ông Abraham sinh thì, ông Êgiác lại được nhiều ơn lành Chúa ban cho. Bà Rêbecca được mang thai sau nhiều năm kết hôn với Êgiác mà vẫn phải son giá. Nhờ lời cầu xin của hai ông bà, nên Chúa cho bà Rêbecca có song thai.



3) Hai cái bào thai trong bụng xô sát nhau khiến bà Rêbecca sợ hãi. Bà khẩn cầu cùng Chúa thì được người khuyên nhủ cho biết: «Người đừng sợ, có hai tướng trị hai nước trong lòng người...



4)... Có hai nước bởi lòng người mà ra, chúng sẽ chia rẽ nhau, dân này thắng được dân kia, con trưởng sẽ từng phục con thứ. Quả vậy sau khi lâm bồn, bà Rêbecca sinh được hai con trai.



5) Đứa con trước da đỏ lông rậm như da thú vật nên được đặt tên là Êglaui, nghĩa là nhiều lông; con ra sau lại cầm chân anh kéo lại như tranh ra trước cho nên được tên là Giacóp nghĩa là «cầm chân» hay là «lập mưu».



6) Hai trẻ này là ví dụ kẻ lành, kẻ dữ hàng giao chiến cùng nhau từ thuở mới sinh cho đến ngày chết. Kẻ dữ được mọi phúc phần xác, như con đầu lòng, song về sau sẽ phải hạ xuống tòng phục kẻ lành.



7) Khi hai trẻ lớn lên, Êgiau là người có tính bạo ngược, lực tặc, sức lực mạnh mẽ hay đi săn bắn và làm nghề nông. Thịnh thoảng săn được vật gì, ông hay nấu nướng và dọn cho cha ăn. Êgiác thấy Êgiau biết săn sóc cha già thì thương mến lắm.



8) Giacóp tánh tình hiền lành, thủy mì đơn sơ hay ở nhà bên cạnh mẹ. Bà Rêbecca yêu dấu Giacóp rất nhiều. Hai trẻ mặc dù tánh tình khác nhau, đều được hai ông bà, mỗi người thương một cách.



9) Có một lần, Giacóp nấu một nồi cháo đậu rất ngon, trong lúc hơi còn lên nghi ngút thì Êgiau đi săn về đói lắm nên xin em một bát cháo đậu cho đỡ dạ. Giacóp tình ranh buộc một điều kiện...



10) «...Nếu Êgiau muốn ăn cháo thì phải nhường chức trưởng nam cho Giacóp». Êgiau không ngần ngại nhường cho em chức trưởng nam. Giacóp còn buộc Êgiau phải thế bán chức trưởng nam thì mới được ăn cháo.



11) Êgiao thế xong liền cầm lấy bánh và cháo ăn uống vui vẻ ngon lành mà không nghĩ gì đến việc mất quyền trường nam. Truyện này chẳng khác nào kẻ mê ăn uống mà bỏ địa vị làm con Thiên Chúa, cho đặng ấm no phần xác...



12) Giống như có nhiều người đời nước Thiên đàng lấy một chút vui tạm ở đời, đã chạy theo vật chất xa hoa mà quên phần rỗi linh hồn, đến ngày phán xét thì ăn năn hối tiếc, cũng như Êgiao, sau đó nghĩ lại thì sợ hãi và kêu khóc, song đã muộn rồi!



13) Năm đó, Êgiác đã già lắm rồi, tóc bạc da mồi lại thêm chứng mù lòa, thấy mình đã gần đất xa trời nên gọi Êgiau đến mà bảo ra đồng săn bắn tìm thịt về làm một bữa ăn, nhân đó Êgiác sẽ chúc phúc cho.



14) Êgiau nghe lời cha vác cung lừng thừng ra đồng. Bà Rêbecca nghe câu chuyện giữa Êgiác và Êgiau, bà biết lý ra thì Êgiau không còn được chúc lành, vì chàng đã bán chúc trưởng nam cho Giacóp rồi. Hơn nữa, bà có lòng yêu Giacóp nên tính chước cho Giacóp được phúc lành.



15) Bà Rêbêcca gọi Giacóp thuật lại việc Êgiác muốn chúc lành cho Êgiau và bảo Giacóp hãy vào chuồng bắt hai con dê để đê cho bà nấu nướng đúng theo ý thích của ông Êgiác. Giacóp vâng lời chạy thẳng đến chuồng bắt dê đem về giao cho bà Rêbecca.



16) Sau khi nấu nướng xong, bà Rêbêcca lấy áo của Êgiau mặc cho Giacóp để giả ra Êgiau vì Êgiác mù lòa chỉ có thể nhận diện qua cách sờ mó mà thôi. Sớm soạn cho Giacóp xong, bà bảo chàng bưng thức ăn lên cho cha.



17) Giacóp bưng thức ăn dâng cho cha và thưa : «Thưa cha !», Êgiác đáp : «Hử ! Con là ai đó ?» Giacóp thưa : «Con là Êgiâu, con cả của cha đây, con vâng lời cha làm mọi sự như cha truyền, mời cha chồi dậy xoi, rồi cha chúc phúc cho con».



18) Êgiác hỏi : «Sao con làm mau quá vậy ?» Giacóp thưa : «Lại cha, ơn Chúa định liệu con làm một chút là xong». Ông Êgiác bảo con đến gần để người rõ xem có phải là Êgiâu chăng vì tay Êgiâu khác hơn Giacóp là có rất nhiều lông.



19) Sau khi sờ tay và cổ của Giacob. Êgiac lẩm bẩm : «Lạ thật, tiếng thì tiếng Giacob tay lại tay của Êgiac». Tuy nhiên, Êgiac vẫn không biết có sự trá hình, ông ăn uống xong và gọi Giacob đến gần cho ông hôn mặt. Khi ông nghe mùi áo ướp hương tỏa ra thơm bát ngát.



20) ... Thì ông chúc cho Giacob rằng : «Xin Chúa ban cho con sương ngọt trên trời, mầu mỡ dưới đất, lúa mì rượu nho dư dật, muôn họ sẽ qui phục con, con sẽ làm chủ cai quản anh em con ! Ai làm lành cùng con thì kẻ đó được sự lành, ai làm dữ thì sẽ phải mọi sự khốn khổ»



21) Khi Êgiác nói dứt lời, Giacóp vừa bưng dọn thức ăn thì Êgiau mới về đến. Êgiau làm lúi nấu nướng rồi lại bưng dọn lên cho cha. Khi Êgiau đến bên giường thưa: «Mời cha xơi! Êgiác vô cùng ngạc nhiên và bỏ ngỡ hết sức, ông hỏi: «Con là ai?»



22) Êgiau đáp: «Con là Êgiau, con cả cha!» Nghe Êgiau đáp, Êgiác chợt hiểu mọi việc liền thở dài nói: «Thế là xong!» Vừa rồi có đứa bưng thịt muông, nấu cho cha ăn và cha chúc mọi sự lành cho nó rồi!» Êgiau nghe như dao đâm vào ruột...



23) ... Anh kêu khóc và lớn tiếng rằng: «Thật là ranh con! Chà trách gọi là Giacóp được! mầy chiếm vị tao hai lần rồi!» Êgiau vật mình bứt tóc nức nở khóc, ông Êgiác thấy vậy thương tâm gọi Êgiau đến và chúc lành một vài điều.



24) Ông Êgiác suy nghiệm biết Thánh Ý Chúa đã định nên chẳng trách Giacóp. Riêng có Êgiau căm hờn và tức giận em vô cùng và để hờ cha qua đời, thế nào ông cũng giết em Các Thánh sư gầm rằng: «ta chớ nên bắt chước Êgiau, vì đã bán chức trưởng nam rồi còn muốn lấy lại cũng như...



25) ... Kể có tội đã muốn sung sướng đời này lại đời cả phước đời sau». — Bà Rêbêca biết tánh tình Êgiau hung bạo nên rất lo, bà nghĩ: «Nếu Giacóp tránh mặt xa nhà một ít lâu cho Êgiau nguôi cơn giận thì hay hơn là ở nhà» Nghĩ như vậy bà quyết xa con để cho Giacóp được an lành.



26) Tuy nhiên bà vẫn còn lo ngại không biết tìm cách nào để nói cho ông Êgiác nghe theo. Nhân Êgiau theo ý riêng lấy hai con gái xứ Canaan làm vợ đã phật lòng cha mẹ bà Rêbêca mới vịn lý do đó mà tìm cách nói để đưa Giacóp ra khỏi nhà.



27) Một hôm bà bàn tính với ông Êgiác: « Con lớn tôi đã lấy vợ trong đất nước này, mà vợ nó xấu nét nên tôi chẳng muốn cho con thứ hai tôi lấy vợ tại đây nữa. Xin ông cho phép con út đi xứ tôi mà cưới vợ trong vòng họ tôi. Ông Êgiác nghe nhầm lý nên đồng ý cho Giacóp sang Mêsopotamia.



28) Được sự đồng ý của Êgiác, bà Rêbêca gọi Giacóp bảo: « Con ơi! Anh con ơ thể nào cũng sát hại con đó. Vậy để cho anh con nguôi cơn giận, con hãy tạm lìa cha mẹ sang ở với ông Laban là cậu con ở xứ Mêsopotamia cho qua con biển, rồi sau mẹ sẽ liệu cách đem con về.



29) Giacóp nhất nhất đều vâng lời mẹ. Bà Rêbêca liền sửa soạn cho Giacóp lên đường. Khi Giacóp đến từ giả cha già, ông Êgiác nhắc lại mọi sự lành đã chúc cho Giacóp lúc trước và ông cũng cầu xin cho Chúa bảo vệ trẻ thơ trên đường trở về xứ Mêsopotamia.



30) Nhìn Giacóp ra đi, bà Bêbêca rất đau đớn nhưng vì bà muốn cho con được yên thân thoát khỏi tay hung bạo của Êgiâu nên phải đành hy sinh. Tội nghiệp ! Giacóp ra đi không như những kẻ khác đi nói vợ có đem hành trang và tôi tớ châu chực như một kẻ phú quý...



31) Ông ăn mặc khó khăn và không đem theo vật gì. Ông đi bộ rất là vất vả. Cứ nhắm theo hướng về đất cũ của mẹ ông lê gót, ngày đi đêm nghỉ, dọc đường cũng không có nơi nương náu.



32) Mỗi lúc đêm về, Giacóp nằm bên vệ đường, đặt gối đồ một bên, lấy đá gối đầu mà nằm nghỉ qua đêm. Tuy Giacóp khổ sở nhưng Chúa luôn đoái thương đến và chăm sóc luôn.



1) Trên đường xa, một đêm nọ Gia-cóp nằm ngủ mơ màng thấy một cái thang bắt từ đất lên tới trời. Vô số thiên thần lên xuống cầu thang. Một cảnh nguy nga tráng lệ phía trên. Tại đó có Đức Chúa Trời ngự, Người phán cùng Gia-cóp...



2) Ta là Chúa Abraham và Ê-giác, cha ông người thờ phượng ta. Người ở đất này ta sẽ cho người làm vua, con cháu người ngày sau sẽ sinh ra nhiều như bụi dưới đất. Thiên hạ sẽ được phước bởi Chúa Cứu Thế ngày sau sẽ sinh ra trong dòng dõi người.



3) ... Người đi đàng nào. Ta cũng sẽ đi đàng nầy cho mau đến nơi. Bao giờ người trở về thì ta sẽ cho người đặng mọi sự lành như lời ta hứa. Đến đây, ông Gia-cóp giựt mình thức dậy, ông nhìn đáo đác trong lòng vẫn còn sợ hãi.



4) Ông kinh-hoàng nói thầm rằng : « Chỗ nầy rất oai-nghi linh-thiên ! Đức Chúa Trời ngụ đây mà tôi không biết ». Sáng hôm đó, Gia-cóp lấy hòn đá gối đầu khi hôm dưng làm bia kỷ niệm để dành ngày sau lập bàn thờ tế lễ Chúa.



5) Sau đó, hướng về phía đông, Gia-cóp đi đến đất Haran. Đến bờ giếng kia thấy các kẻ chăn chiên đang hội họp với nhau, ông liền hỏi: «Này, các anh! đây là đâu vậy?» Các kẻ chăn chiên trả lời: «Đây là xứ Haran!» Gia-cóp mừng rỡ hỏi tiếp...



6) ... Các anh có biết ông Laban con ông Nakô chẳng? Những kẻ chăn chiên liền chỉ Ra-ken, một thiếu nữ xinh đẹp, đang dẫn đàn chiên đến mà bảo: «Kia! Ra-ken con gái ông đó!» Gia-cóp liền chạy đến tự xưng mình là anh em trong họ.



7) Ra-ken mừng rỡ chạy về nhà báo tin cho cha là Laban. Ông ấy liền ra đến tận nơi đón Gia-cóp và đưa về nhà. Gia-cóp liền kể lại sự tình, nguyên do chuyển đi và các tin tức của cha mẹ cho cậu nghe rồi ở lại với cậu.



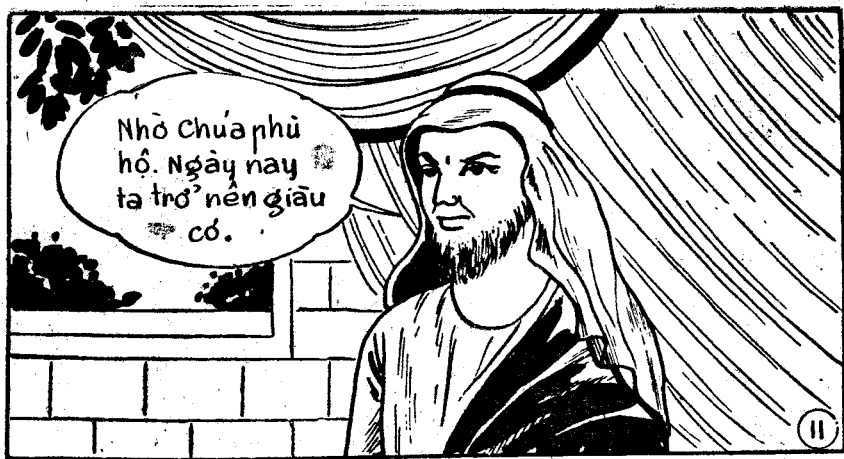
8) Sau một tháng giúp việc, ông Laban bảo Gia-cóp rằng: «Vì tình, cháu đã giúp việc cho cậu lâu ngày, cậu không biết tính sao? Vậy cháu muốn công sá như thế nào cháu cho cậu biết!» Gia-cóp ngẫm nghĩ thân mình trôi lạc cô độc nên không biết trả lời như thế nào. Có điều...



9) Từ ngày sang ở nhà cậu, Gia-cóp đã yêu Raken lắm mà không dám nói ra (ngày xưa anh em bà con được phép cưới nhau). Nay sắp dịp này, Gia-cóp bạo gan thưa: «Xin cậu cho con ở rề 7 năm để được cưới em Raken». Ông liền vui vẻ ưng thuận.



10) Nhưng đến ngày cưới, ông Laban lại gả Li-a là chị của Raken cho Gia-cóp, viện lý là theo phong tục phải gả chị rồi mới gả em. Cô Li-a có đôi mắt tếch, xấu hơn Raken, Gia-cóp đành phải xin ở rề bảy năm nữa để cho được cưới Raken.



11) Chúa thấy Gia-cóp yêu quý Raken hơn Li-a thì cho Li-a sinh được nhiều con; còn Raken mãi mấy năm sau mới sinh Giu-se và Ben-gia-min. Sau 14 năm ở rề, Giacóp được Chúa phù hộ cho mọi sự lành trở nên giàu có phú quý.



12) Các con ông Laban tỏ lòng ganh ghét với Gia-cóp. Và chính ông Laban cũng đôi mặt, chẳng được hòa nhã vui vẻ với cháu như trước. Gia-cóp thấy bà con chẳng thương mình nên cầu nguyện cùng Chúa.



13) Chúa truyền cho Gia-cóp phải sửa soạn trở về quê cha đất tổ, đất Chúa đã hứa ban cho dòng dõi người. Ông Giacóp gọi hai vợ đến giải bày và tỏ ý muốn về quê. Hai bà cũng rất đồng ý với chồng thu dọn hành lý và chuẩn bị lên đường.



14) Một hôm, nhân ông Laban vắng nhà, Gia-cóp đem vợ, đầy tớ, chiên dê đoàn vật của mình trở về quê. Sở dĩ ông phải âm-thầm ra đi là vì sợ bà con bên vợ trở lòng đoạt lại những của cải.



15) Lúc đó, ông Gia-cóp được 104 tuổi, sự nghiệp mới bắt đầu phát triển, ông trở về quê với một sự sản vĩ đại. Khi ông đi được ba hôm, ông Laban nghe tin liền đem gia-nhân đuổi theo. Đức Chúa Trời thấy ông Laban có tánh nhỏ mọn như vậy liền hiện ra...



16) ... Và phán rằng : «Chớ làm sự gì dữ cho Gia-cóp, kéo phải khốn!» Nhờ lời Chúa dạy, nên suốt 7 ngày đuổi theo và bắt gặp tại núi Ga-lát, ông Laban ra lệnh cho gia nhân không được động thủ.



17) Ông trách Giacóp ra đi không một lời từ giả với ông. Giacóp khiêm nhượng năn nỉ và nhắc lại cho ông biết công nghiệp suốt 20 năm ở quê vợ. Lúc gìn giữ chiên cho ông, con nào bị sói bắt, Giacóp đền bù.



18) Suốt cả ngày lẫn đêm, không lúc nào mà Giacóp an tâm và ngủ yên giấc. Ông luôn luôn xem sóc trong ngoài, trộm cướp không dám động đến, nhờ đó chiên sanh sản ra vô số, tuy vậy ông cũng không có chia được một phần nào.



19) Ông cũng nhắc lại khi ông vừa đến thì cậu cũng chưa giàu có gì, nhờ ông bảo bọc quản xuyến mọi việc, giờ đã trở nên dư dật, ông xin cậu nghĩ đến công lao mà thương xót. Ông Laban nghe vậy liền thương và làm lành cùng con rể.



20) Hai cậu cháu giao hòa với nhau, dựng một đồng đá làm kỷ niệm thề ước : «Dòng dõi mình ngày sau sẽ hòa thuận, chẳng hề làm giặc với nhau!» Sau đó hai người vui vẻ từ giả, mỗi người về mỗi người.



21) Sau khi thoát khỏi tay cha vợ, Gia-cóp còn lo đến sự báo thù của Êgiau. Khi về đến miền E-dom nơi Êgiau ở, Giacóp muốn dò tình ý của anh nên cho người báo tin cho Egiau rằng: «Giacóp, em ông trở về cùng với một đoàn tôi tớ và chiên bò vô số».



22) Được tin em trở về, Êgiau nhai râu hùm-hồ: «Thằng «lập mưu» đã về! Gia-nhân đâu, mau sửa soạn kéo đi đón nó cho mau». Một cuộc chuẩn bị rần rần rờ rộ diễn ra, gươm đao sáng giới, vẽ hung hãn lộ trên nét mặt.



23) Người đưa tin thấy vậy hoảng sợ rút lui chạy về báo tin cho Gia-cóp: «Ông Êgiâu cùng 400 binh đã chuẩn bị sắp sửa đến đây». Ông Gia-cóp nghe vậy, vô cùng run rờ kinh-khiếp, ông cầu cùng Chúa phù hộ như lời Chúa đã phán trước trong điềm chiêm bao.



24) Sau đó ông lập mưu mua lòng Êgiâu, ông ra lệnh cho đầy tớ người chọn 200 dê cái, 20 dê đực, kẻ chọn 200 chiên cái 20 chiên đực, 30 lạc đà mới đẻ cả mẹ lẫn con, và bò đực, bò cái, lừa mẹ lừa con phần làm nhiều lớp đi cách khoản nhau để làm lễ vật kính biểu anh.



25) Ông Gia-cóp dẫn đầy tớ: «Hễ ông Êgiau gặp hỏi vật này đem đi đâu thì phải thưa là của lễ Gia-cóp dâng biểu anh là Êgiau» Đoạn ông phân đoàn người còn lại của ông ra làm ba: hai nàng hầu và con cái đi trước. kế đó là nàng Li-a và con cái nàng, còn Gia-cóp và Ra-ken đi sau chót.



26) Tối đêm đó, Gia-cóp nằm ngủ thấy một người hiện ra rồi đánh và vật lộn với ông. Hai người đánh nhau suốt đêm bất phân thắng bại. Đến sáng, người lạ mặt, đá vào gân đùi Gia-cóp một cái làm cho gân khô bại đi.



27) Dù vậy, ông Gia-cóp vẫn không chịu buông người đó ra. Người lạ bảo: «Đã rạng đông rồi hãy buông ta ra.» Gia-cóp chẳng chịu buông nói rằng: «Nếu người chẳng chúc sự lành cho tôi thì tôi chẳng buông!» Người ấy bảo: «Từ nay ông phải đổi tên cũ mà gọi là Ít-ran (Israel)...



28) ... Nghĩa là kẻ có sức mạnh trước mặt Chúa, «ông là người như vậy thì chẳng nên sợ người ta, anh ông cũng chẳng làm gì ông được.» Từ đó về sau ông Gia-cóp đi khắp-khênh và cho đến nay dân Do-Thái vẫn kiêng ăn gân đùi để kỷ niệm chuyện này.



29) Sớm hôm đó, Êgiau kéo binh đón thấy đoàn nọ toán kia, ai cũng bảo đó là lễ vật của Gia-cóp tiến dâng cho mình liền người bắt con giặc. Đến khi Êgiau đi gần toán người đi phía sau cùng, Gia-cóp thấy anh liền chạy đến...



30) ... và quỳ xuống lạy Êgiau bảy lần để tỏ lòng kính mến. Êgiau thấy em khiêm nhượng hạ mình xuống như vậy liền chạy đến nâng Gia-cóp dậy và ôm lấy em mà khóc lóc. Con giặc từ lâu, giờ phút này như tiêu tan đâu mất, nhường chỗ cho tình thương.



31) Một mối tình thiêng-liêng trong huyết quản, Hai anh em kề cho nhau nghe câu chuyện 20 năm xa cách, hai người đều mừng mừng tủi tủi. Gia-cóp thấy vợ con của em được đông vầy lại càng hoan hỉ hơn và chẳng nhận của lễ. Gia-cóp nài nỉ mãi Êgiau mới nhận lãnh.



32) Lúc đó, Êgiau đã hết giận muốn về một lượt với Gia-cố nhưng Gia-cóp thưa rằng: «Tôi có trẻ còn non yếu, đi chẳng kịp, xin anh về trước, nay mai đến nhà chúng ta sẽ gặp lại nhau». Hai anh em chia tay nhau, Gia-cóp theo đoàn người trở về sau an lành.

